

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2015

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Anh Tài**

**Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Phương**

**HẢI PHÒNG - 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN  
VẬT LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP VẠN CHÁNH  
– CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Anh Tài**

**Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Phương**

**HẢI PHÒNG - 2019**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

.....

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Trần Anh Tài

Mã sinh viên: 1412401018

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp Vạn  
Chánh – Công ty TNHH MTV Duyên Hải

**MỤC LỤC**

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT .....	7
LỜI MỞ ĐẦU .....	8
CHƯƠNG I : CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG .....	10
1.1 Những vấn đề chung về kế toán NVL trong doanh nghiệp xây dựng .....	10
1.1.1 Khái niệm và vị trí của NVL trong doanh nghiệp xây dựng .....	10
1.1.2 Đặc điểm của nguyên vật liệu .....	10
1.1.3 Vai trò của nguyên vật liệu .....	11
1.1.4 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu .....	12
1.1.5 Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp .....	12
1.1.6 Phân loại nguyên vật liệu .....	13
1.1.7 Xác định giá trị nguyên vật liệu theo giá thực tế .....	14
1.1.7.1 Xác định giá trị nguyên vật liệu nhập kho .....	14
1.1.7.2 Xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho .....	16
1.1.8 Xác định giá trị nguyên vật liệu theo giá hạch toán .....	18
1.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu .....	19
1.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng .....	19
1.2.2 Sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu .....	20
1.2.3 Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu .....	20
1.2.3.1 Phương pháp thẻ song song .....	20
1.2.3.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển .....	22
1.2.3.3 Phương pháp sổ số dư .....	23
1.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu .....	25
1.3.1 Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên .....	26
1.3.1.1 Khái niệm, đặc điểm, ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng của phương pháp kê khai thường xuyên .....	26
1.3.1.2 Tài khoản sử dụng: .....	26
1.3.1.3 Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKTX đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ .....	27
1.3.2 Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ .....	29
1.3.2.1 Khái niệm, đặc điểm, ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng của phương pháp kiểm kê định kỳ .....	29
1.3.2.2 Tài khoản sử dụng: .....	30
1.3.2.3 Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ .....	32

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

1.4 Tổ chức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu .....	33
<b>CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP VẠN CHÁNH – CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI.....</b>	<b>40</b>
2.1 Khái quát chung về Xí nghiệp Vạn Chánh- Công ty TNHH MTV Duyên Hải.....	40
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển về Xí Nghiệp Vạn Chánh - công ty TNHH MTV Duyên Hải.....	40
2.1.1.1. Quá trình hình thành: .....	40
2.1.1.2. Quá trình phát triển.....	40
2.1.2 Chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động của xí nghiệp .....	41
2.1.2.1 Chức năng, nhiệm vụ.....	41
2.1.2.2 Lĩnh vực hoạt động.....	42
2.1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất của Xí nghiệp Vạn Chánh .....	42
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Xí nghiệp .....	45
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Xí nghiệp Vạn Chánh – C.Ty TNHH MTV Duyên Hải.....	45
2.1.4.2 Chế độ kế toán áp dụng .....	47
2.2 Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp Vạn Chánh – C.Ty TNHH MTV Duyên Hải.....	49
2.2.1 Thủ tục nhập - xuất NVL, và chứng từ kế toán liên quan của Xí nghiệp .....	49
2.2.1.1 Thủ tục nhập kho .....	49
2.2.1.2 Thủ tục xuất kho.....	52
2.2.1.3 Kế toán chi tiết NVL tại xí nghiệp.....	54
2.2.1.4 Kế toán tổng hợp NVL tại Xí nghiệp.....	57
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP VẠN CHÁNH .....</b>	<b>61</b>
3.1. Đánh giá chung về công tác hạch toán NVL tại Xí nghiệp Vạn Chánh...61	
3.1.1. Ưu điểm.....	61
3.1.1.1 Tổ chức bộ máy quản lý .....	61
3.1.1.2 Tổ chức về công tác kế toán .....	61
3.1.1.3 Tổ chức kế toán NVL tại Xí nghiệp Vạn Chánh.....	62
3.1.2 Hạn chế.....	62
3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp Vạn Chánh .....	63

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

3.2.1 Sử dụng mẫu số cái theo hình thức chứng từ ghi sổ .....	63
3.2.2 Mở thêm sổ đăng ký chứng từ ghi sổ .....	65
3.2.3 Mở sổ danh điểm vật tư: .....	66
3.2.4 Công tác quản lý NVL.....	66
3.2.5 Giải pháp sử dụng kế toán máy vào hạch toán nói chung và hạch toán NVL nói riêng.....	67
KẾT LUẬN .....	70
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	71

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

<b>Ký hiệu</b>	<b>Giải thích</b>
NVL	Nguyên vật liệu
CCDC	Công cụ , dụng cụ
DN	Doanh nghiệp
SXKD	Sản xuất kinh doanh
GTGT	Giá trị gia tăng
TK	Tài khoản
XDCB	Xây dựng cơ bản
TSCĐ	Tài sản cố định
CP	Cổ phần

### LỜI MỞ ĐẦU

Bước sang thế kỷ thứ XXI xã hội loài người ngày càng phát triển thì mức độ quan tâm của con người đến hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng cao. Vì sản xuất là cơ sở để tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Như Mác nói: “Nếu sản xuất chỉ ngừng một ngày thôi thì xã hội cũng bị tiêu vong”

Trong nền sản xuất hàng hóa, để tiến hành quá trình sản xuất sản phẩm bao giờ cũng cần có ba yếu tố.

- Tư liệu lao động
- Đối tượng lao động
- Sức lao động

Trong đó nguyên vật liệu là đối tượng lao động, nên nguyên vật liệu có vị trí hết sức quan trọng trong sản xuất kinh doanh.

Trên thực tế, vấn đề không chỉ là sử dụng nguyên vật liệu mà điều quan trọng là phải sử dụng có hiệu quả tránh tình trạng cung cấp thiếu gây ngừng sản xuất hay cung cấp thừa gây ứ đọng vốn, bởi vì chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất. Do vậy việc quản lý chặt chẽ vật liệu trong quá trình thu mua, dự trữ, bảo quản, sử dụng có ý nghĩa lớn trong việc tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm tiết kiệm vốn. Muốn vậy phải có một chế độ quản lý thích hợp và toàn diện đối với nguyên vật liệu, từ khâu cung cấp cả về số lượng và chất lượng chủng loại, thời hạn cung cấp để đảm bảo hoạt động bình thường của quá trình sản xuất kinh doanh. Tạo hiệu quả quản lý nguyên vật liệu quyết định đến hiệu quả sử dụng vốn lưu động và chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp. Vì vậy nhất thiết phải xây dựng chu trình quản lý nguyên vật liệu một cách khoa học, có hiệu quả nhằm nâng cao lợi nhuận.

Trong điều kiện hiện nay, cơ chế thị trường với sự cạnh tranh khốc liệt để tồn tại và phát triển được thì mỗi doanh nghiệp phải có kế hoạch chiến lược và những phương tiện công cụ quản lý kinh tế có hiệu quả.

Hạch toán kế toán là một công cụ quản lý quan trọng. Nó có vai trò tích cực trong việc quản lý điều hành, kiểm soát các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp.

Nếu hạch toán kế toán với chức năng là công cụ đắc lực của quản lý, cung cấp những thông tin chính xác cho quản lý thì hạch toán nguyên vật liệu



là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản. Một công việc hết sức cần thiết, có vị trí xứng đáng trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp.

Với lý do trên cùng thời gian học hỏi nghiên cứu tại trường và thực tiễn được thực tập tại Xí nghiệp Vạn Chánh – Chi nhánh Công ty TNHH MTV Duyên Hải, em đã chọn đề tài: “ ***Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp Vạn Chánh – công ty TNHH MTV Duyên Hải***”

Ngoài lời mở đầu và kết luận nội dung chính của đề tài gồm 3 chương:

**Chương I :** Cơ sở lý luận chung về hạch toán kế toán nguyên vật liệu

**Chương II :** Thực trạng công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp Vạn Chánh – công ty TNHH MTV Duyên Hải.

**Chương III :** Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp Vạn Chánh – công ty TNHH MTV Duyên Hải.

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ kiến thức chưa thực sự sâu rộng nên khóa luận tốt nghiệp khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của thầy cô giáo để khóa luận tốt nghiệp được hoàn thiện hơn.

**CHƯƠNG I :**

**CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN  
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG**

**1.1 Những vấn đề chung về kế toán NVL trong doanh nghiệp xây dựng.**

**1.1.1 Khái niệm và vị trí của NVL trong doanh nghiệp xây dựng**

❖ *Khái niệm:* Trong doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu là đối tượng lao động - một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành lên thực thể sản phẩm, là tài sản dự trữ ngắn hạn của doanh nghiệp. Nguyên vật liệu là đối tượng lao động thể hiện dưới dạng vật hóa như sắt, thép trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo, bông trong doanh nghiệp dệt, con giống trong doanh nghiệp chăn nuôi... dưới sự tác động của con người.

❖ *Vị trí của nguyên vật liệu trong sản xuất:*

Trong các Doanh nghiệp sản xuất (công nghiệp, xây dựng cơ bản) vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho thuộc TSCĐ của Doanh nghiệp. Mặt khác, nó còn là những yếu tố không thể thiếu, là cơ sở vật chất và điều kiện để hình thành nên sản phẩm.

Chi phí về các loại vật liệu thường chiếm một tỉ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các Doanh nghiệp sản xuất. Do đó vật liệu không chỉ quyết định đến mặt số lượng của sản phẩm, mà nó còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm tạo ra. NVL có đảm bảo đúng quy cách, chủng loại, sự đa dạng thì sản phẩm sản xuất mới đạt được yêu cầu và phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của Xã hội.

Như ta đã biết, trong quá trình sản xuất vật liệu bị tiêu hao toàn bộ không giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu, giá trị của nó chuyển một lần toàn bộ vào giá trị sản phẩm mới tạo ra. Do đó, tăng cường quản lý công tác kế toán NVL đảm bảo việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nhằm hạ thấp chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng thu nhập cho Doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng. Việc quản lý vật liệu phải bao gồm các mặt như: số lượng cung cấp, chất lượng chủng loại và giá trị. Bởi vậy, công tác kế toán NVL là điều kiện không thể thiếu được trong toàn bộ công tác quản lý kinh tế tài chính của Nhà

nước nhằm cung cấp kịp thời đầy đủ và đồng bộ những vật liệu cần thiết cho sản xuất, kiểm tra được các định mức dự trữ, tiết kiệm vật liệu trong sản xuất, ngăn ngừa và hạn chế mất mát, hư hỏng, lãng phí trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất. Đặc biệt là cung cấp thông tin cho các bộ phận kế toán nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ kế toán quản trị.

### **Đặc điểm của nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu có các đặc điểm sau:

+ Khác với tư liệu lao động, trong quá trình tham gia vào sản xuất kinh doanh, vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định. Chu kỳ sản xuất là khoảng thời gian từ khi đưa nguyên vật liệu vào sản xuất cho đến khi chế tạo xong, kiểm tra và nhập kho thành phẩm. Chu kỳ sản xuất có thể tính cho từng chi tiết, bộ phận sản phẩm hay sản phẩm hoàn chỉnh.

+ Nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, dưới tác động của sức lao động, chúng bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra hình thái vật chất sản phẩm.

+ Toàn bộ giá trị của nguyên vật liệu được chuyển dịch một lần vào giá trị sản phẩm mới tạo ra. Toàn bộ giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho sản xuất được phản ánh vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, cuối kỳ được kết chuyển để tính giá thành cho sản phẩm tạo ra.

+ Nguyên vật liệu được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như mua ngoài, tự sản xuất, nhận vốn góp liên doanh, vốn góp của các thành viên tham gia công ty,.. trong đó chủ yếu là do doanh nghiệp mua ngoài.

### **1.1.2 Vai trò của nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu là một yếu tố trực tiếp cấu thành nên thực thể sản phẩm. Do vậy chất lượng của nguyên vật liệu ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm, đến hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Nguyên vật liệu được đảm bảo đầy đủ về số lượng, chất lượng, chủng loại, có tác động rất lớn đến chất lượng sản phẩm. Vì vậy đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu sản xuất còn là một biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nguyên vật liệu liên quan trực tiếp tới kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, là đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó cung ứng nguyên vật liệu kịp thời với giá cả hợp lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên thị trường. Xét cả về mặt hiện

vật lẫn mặt giá trị, nguyên vật liệu là một trong những yếu tố không thể thiếu trong bất kỳ quá trình sản xuất nào, là một bộ phận quan trọng của tài sản lưu động. Chính vì vậy quản lý nguyên vật liệu chính là quản lý vốn sản xuất kinh doanh và tài sản của doanh nghiệp.

### 1.1.3 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

NVL là tài sản dự trữ phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh, thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp. Để hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường, các doanh nghiệp sản xuất phải thường xuyên mua NVL và xuất dùng cho sản xuất. Mỗi loại sản phẩm được sản xuất từ nhiều loại vật liệu khác nhau, được nhập từ nhiều nguồn và giá cả của vật liệu thường xuyên biến động trên thị trường. Bởi vậy để tăng cường công tác quản lý, NVL phải được theo dõi chặt chẽ từ khâu thu mua, bảo quản, dự trữ đến khâu sử dụng.

+*Trong khâu thu mua*: Đòi hỏi phải quản lý về số lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, giá mua, chi phí thu mua và cả tiến độ thời gian thu mua phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm đáp ứng kịp thời cho quá trình sản xuất tạo sản phẩm và các nhu cầu khác của doanh nghiệp.

+*Trong khâu bảo quản dự trữ*: Doanh nghiệp phải tổ chức tốt kho tàng bền bãi, thực hiện đúng chế độ bảo quản, xác định mức dự trữ tối thiểu, tối đa cho từng loại nguyên vật liệu để giảm bớt hư hỏng, hao hụt mất mát, đảm bảo an toàn. Giữ được chất lượng của NVL sao cho NVL luôn cung ứng kịp thời cho sản xuất với chi phí tồn kho thấp nhất. Đồng thời cần có những cảnh báo kịp thời khi có những dấu hiệu báo động, trong trường hợp NVL vượt quá định mức tối đa, tối thiểu để có những điều chỉnh hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+*Trong khâu sử dụng*: Đòi hỏi phải theo dõi tình hình sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu trên cơ sở xác định mức tiêu hao, dự toán chi phí, tiến độ sản xuất nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Vì vậy trong khâu này cần tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Như vậy, quản lý nguyên vật liệu là một trong những nội dung quan trọng và cần thiết của công tác quản lý sản xuất, quản lý giá thành sản phẩm.

### 1.1.4 Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Nếu như công tác hạch toán nói chung là công cụ của công tác quản lý kinh tế tài chính thì hạch toán kế toán NVL là công cụ đặc lực của công tác quản lý NVL. Kế toán NVL có đầy đủ, chính xác, kịp thời hay không, có ảnh hưởng lớn đến tình hình quản lý vật liệu của doanh nghiệp. Để thực hiện chức năng của mình trong phạm vi quản lý vật liệu, theo điều lệ tổ chức công tác kế toán nhà nước, kế toán vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất có các nhiệm vụ :

- Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, bảo quản tình hình nhập, xuất, tồn kho vật liệu, tính giá thực tế của vật liệu đã mua và nhập kho xí nghiệp, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua NVL về mặt số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn,... nhằm đảm bảo cung cấp, đầy đủ, kịp thời đúng chủng loại vật liệu cho quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp, phục vụ cho việc thu nhận hệ thống hóa, tổng hợp và cung cấp thông tin về tình hình hiện có và sự biến động.

- Kiểm tra, giám sát việc bằng đồng tiền kế hoạch thu mua, sử dụng vật tư cho sản xuất kinh doanh. Qua đó phát hiện và ngăn chặn các hành vi tham ô, lãng phí vật tư, và hành vi vi phạm chế độ kế toán tài chính.

### 1.1.6 Phân loại nguyên vật liệu

Trong doanh nghiệp sản xuất để tiến hành sản xuất phải sử dụng nhiều loại NVL khác nhau, mỗi loại vật liệu có vai trò và công dụng tính năng lý hóa khác nhau đối với quá trình sản xuất. Vì vậy để quản lý tốt cần phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu. Phân loại vật liệu dựa theo những tiêu thức sau:

#### ❖ **Căn cứ vào công dụng của NVL trong quá trình sản xuất kinh doanh.**

- *Nguyên liệu, vật liệu chính*: Là những loại nguyên liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ... không đặt ra khái niệm vật liệu chính, vật liệu phụ. Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra thành phẩm.

- *Vật liệu phụ*: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với

vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường, hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói; phục vụ cho quá trình lao động.

- *Nhiên liệu*: Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí.

- *Vật tư thay thế*: Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

- *Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản*: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

Việc phân chia này giúp cho doanh nghiệp tổ chức các tài khoản chi tiết, dễ dàng hơn trong quản lý hạch toán vật liệu. Ngoài ra còn giúp doanh nghiệp nhận biết rõ nội dung kinh tế và vai trò chức năng của từng loại vật liệu trong quá trình SXKD từ đó đề ra các biện pháp thích hợp quản lý và sử dụng NVL

### **1.1.7 Xác định giá trị nguyên vật liệu theo giá thực tế**

Để phục vụ công tác quản lý, hạch toán NVL phải thực hiện việc đánh giá vật liệu. Đánh giá nguyên vật liệu là dùng tiền để biểu thị giá trị của nguyên vật liệu theo nguyên tắc nhất định. Theo chuẩn mực 02-Hàng tồn kho (Ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/ QĐ-BTC ngày 31-12-2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) thì vật liệu phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau: *nguyên tắc giá gốc, nguyên tắc nhất quán và nguyên tắc thận trọng*.

Kế toán nhập, xuất, tồn kho NVL phải phản ánh theo giá trị thực tế (giá gốc). Tuy nhiên không ít các doanh nghiệp để giảm bớt khối lượng ghi chép, tính toán hàng ngày có thể dùng giá hạch toán để hạch toán tình hình nhập, xuất NVL. Song dù đánh giá theo giá hạch toán, kế toán vẫn phải đảm bảo việc phản ánh tình hình nhập, xuất NVL trên các sổ kế toán tổng hợp, báo cáo kế toán theo giá thực tế.

#### **1.1.7.1 Xác định giá trị nguyên vật liệu nhập kho**

Nguyên tắc xác định giá trị của nguyên vật liệu nhập kho, nguyên vật liệu được tính theo giá thực tế ( giá gốc). Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

kho là toàn bộ chi phí thực tế mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được nguyên vật liệu đó.

$$\text{Giá thực tế} = \text{Chi phí mua NVL} + \text{Chi phí chế biến NVL} + \text{Chi phí liên quan trực tiếp khác để có được NVL}$$

**a. Với nguyên vật liệu nhập kho từ nguồn mua ngoài**

$$\text{Giá thực tế} = \begin{array}{l} \text{Giá thu mua ghi} \\ \text{trên hóa đơn (bao} \\ \text{gồm cả thuế NK} \\ \text{nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \\ \text{thực tế} \\ \text{phát sinh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{thuế không} \\ \text{được hoàn} \\ \text{lại} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CKTM,} \\ \text{giảm giá} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{mua được} \end{array}$$

**b. Với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công, chế biến nhập kho**

$$\text{Giá thực tế} = \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của vật} \\ \text{liệu gia công, chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản chi phí để gia} \\ \text{công, chế biến phát sinh} \end{array}$$

**c. Với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến**

$$\text{Giá thực tế} = \begin{array}{l} \text{Trị giá vật liệu xuất} \\ \text{gia công, chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{giao nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tiền} \\ \text{gia công} \end{array}$$

**d. Với nguyên vật liệu nhập kho từ nguồn nhận góp vốn:** Giá trị được các bên tham gia góp vốn thống nhất đánh giá và chấp nhận.

**e. Với nguyên vật liệu nhập kho từ nguồn viện trợ, tặng thưởng:** giá trị thực tế tính theo giá thị trường tương đương.

**f. Với phế liệu thu hồi nhập kho:** là giá ước tính thực tế có thể sử dụng được hay bán được.



### 1.1.7.2 Xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho

Giá thực tế NVL xuất kho được tính theo một trong các phương pháp sau:

**a. Phương pháp bình quân gia quyền:**

➤ *Giá bình quân cả kỳ dự trữ (bình quân gia quyền):* phương pháp này tính giá VL xuất dùng theo giá bình quân cả kỳ dự trữ, cách tính như sau

$$\text{Giá thực tế vật liệu xuất dùng trong kỳ} = \frac{\text{Số lượng vật liệu xuất dùng}}{\text{Đơn giá xuất kho bình quân}} \times$$

Trong đó:

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn ĐK} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Công việc tính giá lại chỉ thực hiện vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến độ chính xác và kịp thời của thông tin kế toán

➤ *Phương pháp tính giá bình quân sau mỗi lần nhập*

Theo phương pháp này sau mỗi lần nhập kho, đơn giá vật liệu xuất kho được tính lại cho từng danh điểm vật liệu như sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Giá thực tế hàng tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Lượng thực tế hàng tồn kho sau lần nhập } i}$$

Phương pháp này khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên đáp ứng được yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán nhưng đòi hỏi nhiều thời gian và công sức tính toán.

➤ *Phương pháp đơn giá bình quân cuối kỳ trước*

$$\text{Đơn giá bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Trị giá thực tế VL tồn kho đầu kỳ (cuối kỳ trước)}}{\text{Số lượng VL tồn kho đầu kỳ (cuối kỳ trước)}}$$



Phương pháp này mặc dù tính toán đơn giản và kịp thời cung cấp cho tình hình biến động vật liệu xuất dùng trong kỳ. Tuy nhiên không chính xác vì không tính đến sự biến động giá vật liệu trong kỳ.

→ *Tóm lại:* tùy theo phương pháp hạch toán hàng tồn kho mà áp dụng phương pháp đơn giá bình quân cho phù hợp. Nếu doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì tính theo đơn giá bình quân cuối kỳ trước. Nếu doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên có thể tính theo đơn giá bình quân cuối kỳ, đơn giá bình quân liên hoàn.

### ***b. Giá thực tế đích danh:***

Giá thực tế đích danh được dùng trong những doanh nghiệp sử dụng NVL có giá trị lớn, ít chủng loại, sử dụng ổn định, có tính tách biệt và nhận diện được, có điều kiện quản lý, bảo quản riêng theo từng lô trong kho.

*Ưu điểm* của phương pháp này là xác định được ngay giá trị nguyên vật liệu khi xuất kho. Theo phương pháp này nguyên vật liệu xuất kho của lô hàng nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đấy để tính. Đây là phương án tốt, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh theo đúng giá trị thực tế của nó.

*Nhược điểm:* Đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ, theo dõi từng lô vật liệu xuất, nhập kho. Phương pháp này không thích hợp với những doanh nghiệp sử dụng nhiều loại vật liệu có giá trị nhỏ và có nhiều nghiệp vụ xuất, nhập kho.

### ***c. Phương pháp nhập trước xuất trước (First In First Out –FIFO)***

Phương pháp này giả định những vật liệu nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lô hàng xuất. Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp sử dụng ít loại vật liệu, số lần nhập xuất kho ít. Giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

*Ưu điểm:* Phương pháp này giúp chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán. Trị giá vốn hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

*Nhược điểm:* Doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại sẽ được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số

lượng mặt hàng nhiều, phát sinh nhập, xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

### 1.1.8 Xác định giá trị nguyên vật liệu theo giá hạch toán

Đối với những doanh nghiệp có nhiều chủng loại NVL nhập xuất thường xuyên. Hàng ngày giá vật liệu lại biến động thường xuyên, thông tin về giá không kịp thời. Nếu áp dụng giá thực tế để phản ánh chi tiết thường xuyên hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho vật liệu thì công việc kế toán trở nên phức tạp, tốn sức và có khi không thực hiện được. Vì vậy cần thiết phải sử dụng giá hạch toán để phản ánh chi tiết thường xuyên hàng ngày tình hình nhập, xuất.

Giá hạch toán là giá tạm tính được sử dụng ổn định thống nhất trong thời gian dài, giá hạch toán được tạm dùng để ghi chép tính giá vật liệu xuất kho. Đây chỉ là giải pháp kỹ thuật của hạch toán dùng để theo dõi số lượng, chất lượng, và chủng loại của vật liệu xuất kho. Giá hạch toán không có ý nghĩa trong thanh toán và trong hạch toán tổng hợp vật liệu. Để xác định giá thành thực tế của vật liệu, cuối kỳ kế toán phải đổi giá trị vật liệu từ giá hạch toán sang giá thực tế. Giá hạch toán thường được xác định bằng cách lấy giá vật liệu bình quân kỳ trước hoặc giá kế hoạch của vật liệu, trình tự tính giá hạch toán như sau:

**Bước 1:** Hàng ngày khi nhập xuất kho vật liệu, kế toán ghi theo giá hạch toán cho từng vật liệu theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá hạch toán vật liệu} \\ \text{nhập (xuất) kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng vật liệu} \\ \text{nhập (xuất) kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá hạch toán} \end{array}$$

**Bước 2:** Cuối kỳ xác định hệ số điều chỉnh giá cho từng thứ (nhóm) VL

$$\text{Hệ số giá} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá thực tế VL tồn ĐK} \\ + \\ \text{Giá thực tế VL nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá hạch toán VL tồn ĐK} \\ + \\ \text{Giá hạch toán VL nhập trong kỳ} \end{array}}$$

**Bước 3:** Tính giá thực tế từng loại vật liệu xuất kho theo hệ số giá tính được ở bước 2 và điều chỉnh theo số chênh lệch

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế VL xuất} \\ \text{kho trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán vật liệu} \\ \text{xuất kho trong kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số giá} \end{array}$$

$$\begin{aligned} \text{Giá thực tế cần điều chỉnh} &= \text{Giá thực tế xuất kho} \times \text{Giá hạch toán xuất kho} \\ &= \text{Giá hạch toán xuất kho} \times (\text{hệ số giá} - 1) \end{aligned}$$

Căn cứ vào giá điều chỉnh tính được, kế toán ghi bổ sung hoặc giảm giá hạch toán đã ghi trong kỳ bằng bút toán phù hợp.

**Ưu điểm:** phương pháp này cho phép kết hợp chặt chẽ hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp trong công tác tính giá, nên công việc tính giá được tiến hành nhanh chóng do chỉ phải theo dõi biến động của hàng với cùng một mức giá, đến cuối kỳ mới điều chỉnh và không bị phụ thuộc vào số lượng danh điểm hàng, số lần nhập, xuất của mỗi loại nhiều hay ít.

**Nhược điểm:** tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, giá thực tế của hàng nhập kho luôn biến động phụ thuộc vào các yếu tố thị trường, các chính sách điều tiết vi mô và vĩ mô, cho nên việc sử dụng giá hạch toán cố định trong suốt kỳ kế toán là không còn phù hợp nữa.

### 1.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Mỗi loại nguyên vật liệu có vai trò nhất định với quy trình sản xuất. Sự thiếu hụt một loại vật liệu sẽ làm cho quá trình sản xuất bị ngừng trệ. Việc hạch toán và cung cấp đầy đủ kịp thời các thông tin về tình trạng, sự biến động của từng vật liệu là yêu cầu đặt ra đối với kế toán chi tiết vật liệu. Đáp ứng được các yêu cầu này sẽ giúp cho công việc quản lý và sử dụng vật liệu đạt hiệu quả cao. Hạch toán chi tiết vật liệu được thực hiện ở kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập xuất kho.

#### 1.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 gồm:

- Phiếu nhập kho ( Mẫu 01 VT)
- Phiếu xuất kho ( Mẫu 02 VT)
- Bảng phân bổ vật liệu ( Mẫu 07 VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa ( Mẫu 05 VT )
- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01GTKT3/001) nếu nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.
- Hóa đơn bán hàng (Mẫu 02GTTT3/001) nếu nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

Các chứng từ kế toán thống nhất bắt buộc phải được lập kịp thời, đầy đủ, theo đúng quy định nhà nước về mẫu biểu, nội dung phương pháp lập. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

### 1.2.2 Sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Tùy thuộc vào phương pháp kế toán chi tiết mà DN áp dụng các sổ chi tiết:

- Thẻ kho (Sổ kho)
- Sổ chi tiết vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa
- Bảng tổng hợp chi tiết vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa
- Sổ đối chiếu luân chuyển
- Sổ số dư

Ngoài ra còn sử dụng các bảng kê nhập, xuất, các bảng lũy kế tổng hợp nhập, xuất, tồn kho NVL phục vụ cho việc ghi sổ kế toán chi tiết được đơn giản nhanh chóng và kịp thời.

### 1.2.3 Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Do đặc điểm trong các doanh nghiệp sản xuất, NVL thường có nhiều chủng loại khác biệt. Tuy nhiên thiếu một NVL cũng có thể gây ngừng sản xuất, vì vậy hạch toán NVL phải đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của từng danh điểm nguyên vật liệu. Hiện nay có 3 phương pháp hạch toán chi tiết NVL

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư

Mỗi phương pháp đều có những ưu, nhược điểm và phạm vi áp dụng riêng nhưng đều nhằm mục đích theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn NVL về số lượng và giá trị ở kho và phòng kế toán.

#### 1.2.3.1 Phương pháp thẻ song song

\* *Điều kiện áp dụng:*

- Doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư hàng hóa
- Các nghiệp vụ nhập xuất ít, không thường xuyên
- Trình độ nghiệp vụ nhân viên kế toán còn hạn chế

\* *Nguyên tắc mở sổ:*

- Sổ kho (thẻ kho) do kế toán lập và giao thủ kho theo dõi về mặt hiện vật.
- Sổ chi tiết mở theo thẻ kho để theo dõi số lượng và giá trị.

\* *Trình tự ghi sổ:*

➤ Ở kho: Hàng ngày khi nhận chứng từ nhập-xuất NVL, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi sổ thực nhập, thực xuất, tính ra số tồn kho để ghi vào thẻ kho. Thẻ kho được mở cho

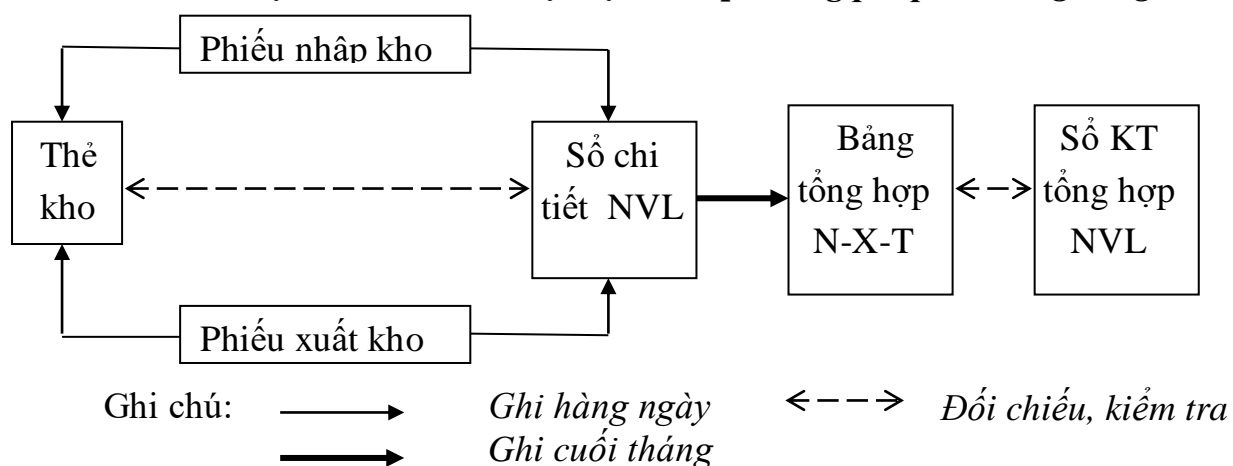
từng loại nguyên vật liệu. Đối với phiếu xuất vật tư theo hạn mức, sau mỗi lần xuất thủ kho phải ghi số thực xuất vào thẻ kho mà không đợi đến khi kết thúc chứng từ mới ghi một lần. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn kho trên thẻ kho với số liệu thực tế còn lại ở kho để đảm bảo sổ sách và hiện vật luôn khớp nhau. Định kỳ thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất đã được phân loại theo từng NVL cho phòng kế toán.

➤ Ở phòng kế toán:

Kế toán phải mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết NVL cho từng danh điểm vật tư tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết NVL để ghi chép tình hình nhập, xuất tồn kho theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Về cơ bản sổ (thẻ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu giống như thẻ kho, nhưng có thêm các cột ghi chép chỉ tiêu hiện vật và giá trị.

Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho do thủ kho chuyển tới, nhân viên kế toán vật liệu phải kiểm tra chứng từ, đối chiếu các chứng từ nhập, xuất kho với các chứng từ khác có liên quan như hóa đơn mua hàng, phiếu mua hàng,... ghi giá hạch toán và tính ra số tiền. Sau đó kế toán lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập, xuất kho vào các sổ kế toán chi tiết vật liệu có liên quan. Cuối tháng kế toán cộng chi tiết vật liệu và kiểm tra, đối chiếu với thẻ kho. Ngoài ra, để có số liệu đối chiếu, kiểm tra với kế toán tổng hợp cần phải tổng hợp số liệu kế toán chi tiết từ các sổ kế toán chi tiết vào bảng tổng hợp

**Sơ đồ 1: Hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song**



\* *Ưu điểm:* Phương pháp này đơn giản trong khâu ghi chép, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu phát hiện sai sót trong số liệu, đảm bảo sự chính xác của thông

tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho kế toán quản trị hàng tồn kho.

\* *Nhược điểm:* Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, ngoài ra việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế chức năng kiểm tra kịp thời của kế toán.

### 1.2.3.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

\* *Điều kiện áp dụng:*

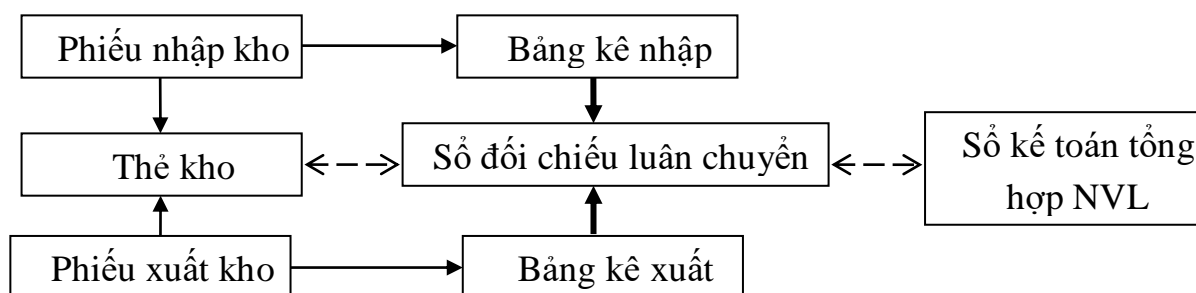
Thích hợp với doanh nghiệp không có nhiều nghiệp vụ nhập xuất, không bố trí riêng nhân viên kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

\* *Trình tự ghi sổ:*

➤ *Ở kho:* Việc ghi chép ở kho của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho giống như phương pháp thẻ song song.

➤ *Ở phòng kế toán:* Kế toán tiến hành kiểm tra và mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập xuất tồn về số lượng và giá trị của từng danh điểm vật liệu trong kho. Trên sổ đối chiếu luân chuyển kế toán ghi một lần vào cuối tháng sự thay đổi của từng danh điểm vật liệu. Để có số liệu ghi vào sổ luân chuyển, kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất trên cơ sở các chứng từ nhập xuất định kỳ do thủ kho chuyển tới. Cuối tháng tiến hành kiểm tra, đối chiếu số lượng vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với số lượng vật liệu trên thẻ kho, đối chiếu với kế toán tổng hợp.

#### Sơ đồ 2: Hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:  $\longrightarrow$  Ghi hàng ngày       $\longleftrightarrow$  Đối chiếu, kiểm tra  
 $\longrightarrow$  Ghi cuối tháng

\* *Ưu điểm:* Phương pháp này đơn giản dễ làm, giảm nhẹ khối lượng công việc ghi chép của kế toán so với phương pháp thẻ song song.

\* *Nhược điểm:*

- Việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng.



- Việc kiểm tra và đối chiếu số liệu giữa kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng vì vậy hạn chế tác dụng kiểm tra.

- Theo yêu cầu cung cấp thông tin nhanh phục vụ quản trị hàng tồn kho thì các doanh nghiệp không nên sử dụng phương pháp này, vì muốn lập báo cáo nhanh hàng tồn kho cần phải dựa vào số liệu trên thẻ kho. Số liệu giữa kho và phòng kế toán không tiến hành trong tháng do kế toán không ghi sổ.

- Công việc ghi chép sổ, kiểm tra đối chiếu dồn vào cuối kỳ, nên trong trường hợp số lượng chứng từ khá nhiều các loại NVL thì công việc kiểm tra đối chiếu sẽ gặp khó khăn, ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện các khâu kế toán khác.

### 1.2.3.3 Phương pháp sổ số dư

Phương pháp này là một cải tiến căn bản trong việc tổ chức hạch toán chi tiết NVL. Đặc điểm nổi bật của phương pháp này là kết hợp chặt chẽ việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho với việc ghi chép của phòng kế toán và trên cơ sở đó ở kho chỉ hạch toán về số lượng và ở phòng kế toán chỉ hạch toán về giá trị của NVL, xóa bỏ được việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, tạo điều kiện kiểm tra thường xuyên, đảm bảo số liệu kế toán chính xác, kịp thời.

\* *Điều kiện áp dụng:*

Phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp có nhiều danh điểm NVL, nghiệp vụ nhập, xuất nhiều, thường xuyên. Nhiều chủng loại NVL và với điều kiện doanh nghiệp dùng giá hạch toán để hạch toán nhập, xuất. Ngoài ra đòi hỏi doanh nghiệp phải xây dựng được hệ thống danh điểm NVL, trình độ

chuyên môn cao, nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.

\* *Trình tự ghi sổ:*

➤ *Ở kho:*

Hạch toán nguyên vật liệu tại kho do thủ kho thực hiện trên các thẻ kho như các phương pháp trên. Hàng ngày hoặc định kỳ theo quy định của doanh nghiệp, sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho vật liệu phát sinh theo từng vật liệu quy định. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu.

Ngoài ra, thủ kho còn phải ghi số lượng vật liệu tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm vật liệu vào sổ số dư. Sổ số dư do kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm, trước ngày cuối tháng, kế toán giao sổ số dư cho thủ

kho ghi số lượng vật liệu tồn kho căn cứ vào các thẻ kho. Ghi xong thủ kho phải chuyển sổ về phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

➤ *Ở phòng kế toán:*

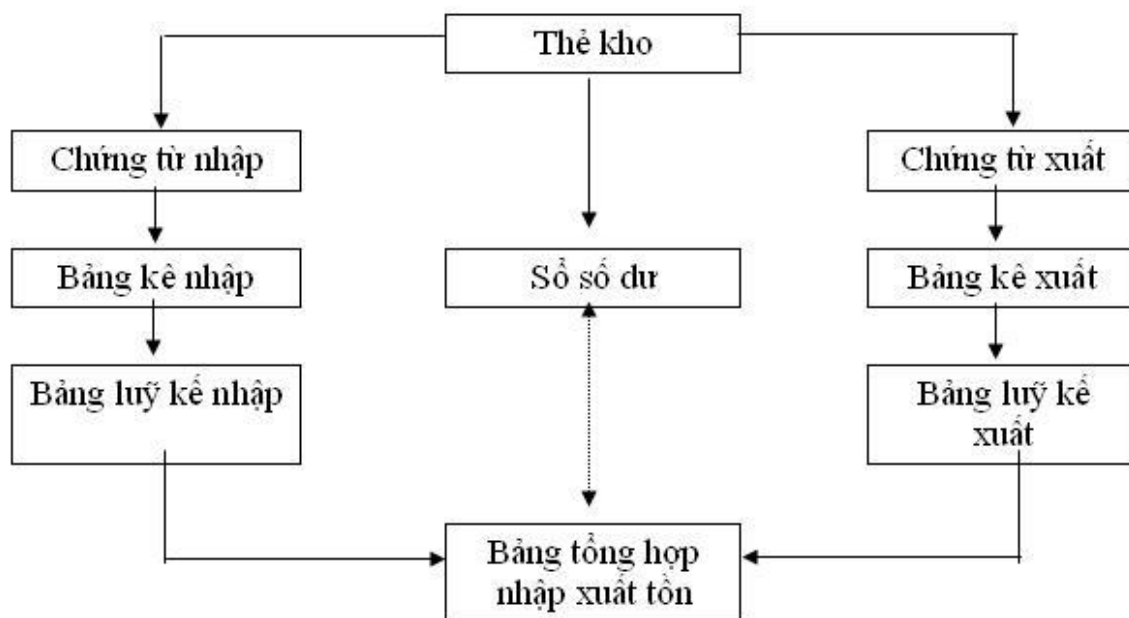
Định kỳ, nhân viên kế toán phải xuống kho để hướng dẫn, kiểm tra việc ghi chép trên thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ. Khi nhận được chứng từ, nhân viên kế toán kiểm tra và tính giá theo từng chứng từ, cộng tổng số tiền ghi vào cột số tiền của phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm vật liệu vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu. Bảng này được mở cho từng kho, mỗi kho một tờ, được ghi trên cơ sở các phiếu giao nhận chứng từ nhập xuất vật liệu.

Tiếp đó, cộng số tiền nhập xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm vật liệu. Cuối tháng khi nhận được sổ số dư thủ kho chuyển lên, kế toán căn cứ vào số tồn kho cuối tháng do thủ kho tính ghi ở sổ số dư và đơn giá hạch toán tính ra giá trị tồn kho để ghi vào cột số tiền trên sổ số dư. Việc kiểm tra đối chiếu được căn cứ vào số tiền tồn kho trên sổ số dư và bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn (cột số tiền) và số liệu kế toán tổng hợp.

***Sơ đồ 3: Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư***



## Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp ghi sổ số dư



Ghi chú:   
—————> Ghi hàng ngày  
- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra  
—————> Ghi cuối tháng

❖ *Ưu điểm:* Tránh được ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép tính toán của kế toán, công việc được tiến hành đều trong tháng. Thực hiện kiểm tra giám sát thường xuyên của kế toán với nhập xuất NVL hàng ngày.

❖ *Nhược điểm:*

- Do kế toán chỉ theo dõi về mặt giá trị, nên muốn biết số hiện có và tình hình tăng giảm của từng thứ vật liệu về mặt hiện vật nhiều khi phải xem số liệu trên thẻ kho.
- Việc kiểm tra sai sót nhầm lẫn giữa phòng kế toán và kho gặp khó khăn.

### 1.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là tài sản lưu động của doanh nghiệp và được nhập, xuất kho thường xuyên, tuy nhiên tùy theo đặc điểm nguyên vật liệu của từng doanh nghiệp có các phương thức kiểm kê khác nhau. Theo chế độ kế toán hiện hành có 2 phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu:

- Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp kiểm kê định kỳ

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mỗi phương pháp có đặc điểm và cách hạch toán khác nhau thích hợp với từng doanh nghiệp cụ thể khác nhau. Có nhược điểm khác nhau, công tác kế toán doanh nghiệp cần phải nghiên cứu, lựa chọn phương pháp thích hợp.

### 1.3.1 Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên

#### 1.3.1.1 Khái niệm, đặc điểm, ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng của phương pháp kê khai thường xuyên.

➤ **Khái niệm:** Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi, phản ánh thường xuyên liên tục, có hệ thống tình hình xuất nhập, tồn kho vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán. Do vậy giá trị vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán có thể xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

- **Đặc điểm:** Mọi tình hình biến động tăng giảm (nhập, xuất) và số hiện có của vật tư, hàng hóa đều được phản ánh trên các tài khoản phản ánh hàng tồn kho (TK 151,152,153,156,157)

- Cuối kỳ kế toán đối chiếu số liệu kiểm kê thực tế vật tư hàng hóa tồn kho với số lượng vật tư hàng hóa tồn kho trên sổ kế toán.

- Tính giá vốn xuất kho căn cứ vào các chứng từ xuất kho và phương pháp tính giá áp dụng:

$\text{Giá thực tế xuất} = \text{Số lượng xuất} \times \text{Đơn giá tính cho hàng xuất}$

➤ **Ưu điểm:** phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời cập nhật, theo phương pháp này tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập, xuất, tồn kho từng loại hàng tồn kho.

➤ **Nhược điểm:** tăng khối lượng ghi chép hàng ngày, tốn nhiều công sức tính toán, gây áp lực cho người làm công tác kế toán. Tuy nhiên nhược điểm này được khắc phục khi doanh nghiệp tin học hóa công tác kế toán.

➤ **Điều kiện áp dụng:** Thích hợp với DN sản xuất và thương mại kinh doanh mặt hàng có giá trị, quy mô lớn, NVL xuất theo dõi được từng lần.

#### 1.3.1.2 Tài khoản sử dụng:

❖ **TK 152 “Nguyên vật liệu”** : (được sử dụng chủ yếu) tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các loại NVL

Nợ	TK152	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá nguyên vật liệu NK trong kỳ.</li><li>- Trị giá nguyên vật liệu tự chế biến, thuê ngoài gia công.</li><li>- Nguyên vật liệu được nhận từ vốn góp liên doanh, hoặc nguồn khác.</li><li>- Trị giá nguyên vật liệu sử dụng không hết NK</li><li>- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện</li></ul>		<ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá nguyên vật liệu XK để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc góp vốn liên doanh.</li><li>- Trị giá nguyên vật liệu được giảm giá hoặc trả lại người bán</li><li>- Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng</li><li>- Trị giá nguyên vật liệu hao hụt,</li></ul>

**Dư bên Nợ:** Trị giá nguyên vật liệu thực tế tồn kho cuối kỳ

*Tài khoản 152 có thể mở các tài khoản cấp 2 để kế toán chi tiết theo từng nhóm, thứ vật liệu tùy thuộc yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.*

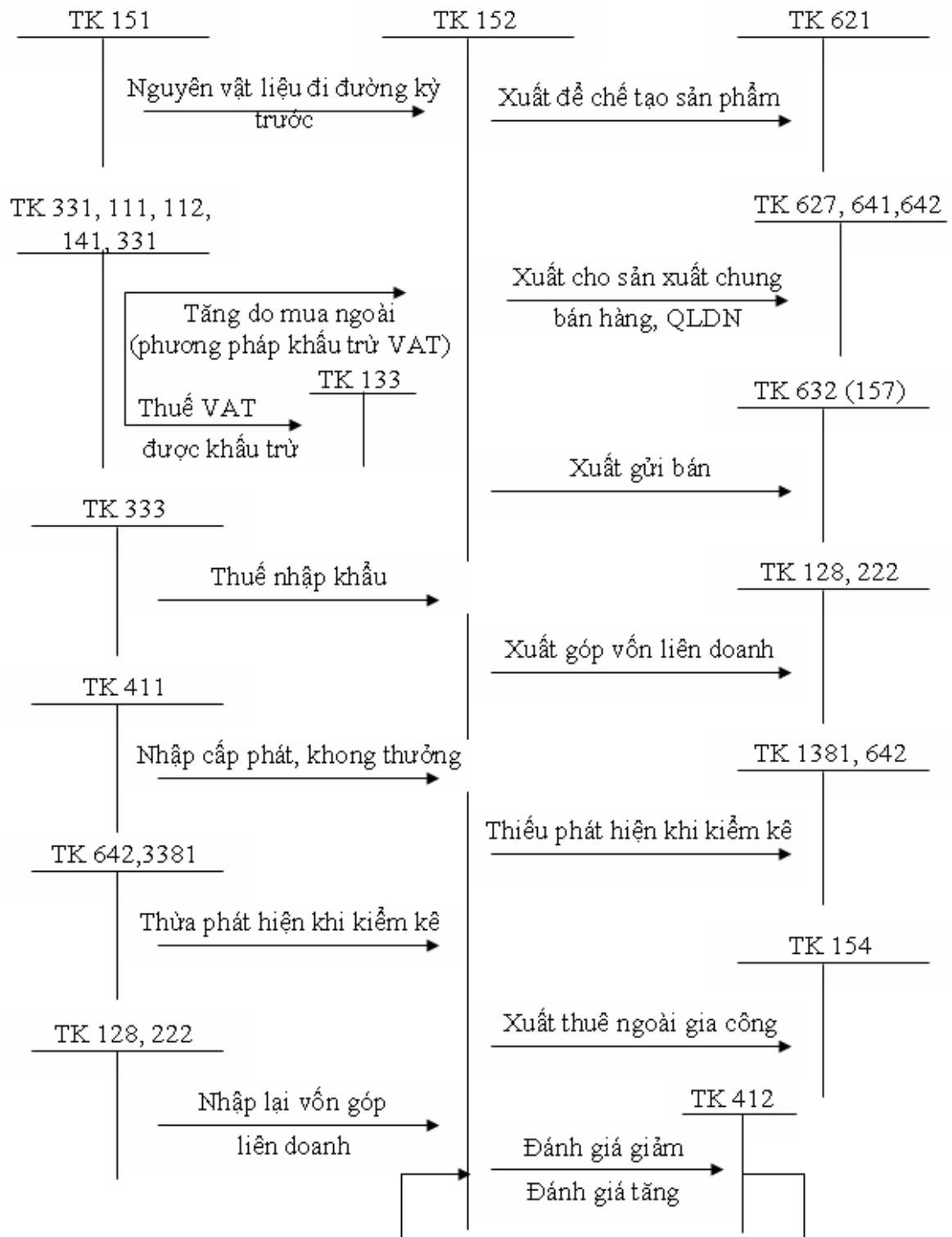
❖ **TK 151: “Hàng mua đang đi đường”** tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hóa, vật tư mua vào đã xác định là hàng mua nhưng chưa được nhập kho.

Nợ	TK 151	Có
- Trị giá hàng đã mua đang đi trên đường	- Giá trị vật tư đang đi trên đường đã về nhập kho hoặc chuyển giao cho đối tượng sử dụng hay khách hàng.	
<b>Dư bên Nợ:</b> Trị giá vật tư đang đi đường chưa về nhập kho		

Ngoài các tài khoản trên kế toán còn sử dụng một số tài khoản sau: TK111, TK 112, TK 154, TK 133, TK 141, TK 331, TK 411, ....

**1.3.1.3 Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KCTX đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



### 1.3.2 Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

#### 1.3.2.1 Khái niệm, đặc điểm, ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng của phương pháp kiểm kê định kỳ

➤ **Khái niệm:** Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra trị giá vật tư, hàng hóa đã xuất kho trong kỳ.

Khi áp dụng phương pháp này, nguyên vật liệu mua vào được ghi chép, phản ánh hàng ngày theo từng lần phát sinh, còn nguyên vật liệu xuất ra thì hàng ngày không ghi mà đến cuối kỳ sau khi kiểm kê xác định trị giá nguyên vật liệu còn lại kế toán mới tính và ghi một lần giá trị nguyên vật liệu xuất sử dụng trong kỳ.

➤ **Đặc điểm:**

- Không theo dõi, phản ánh thường xuyên, liên tục
- Các tài khoản phản ánh hàng tồn kho chỉ phản ánh giá trị vật tư hàng hóa tồn đầu kỳ và cuối kỳ.
- Phản ánh tình hình mua vào, nhập kho vật tư, hàng hóa trên **TK 611-Mua hàng**.

- Cuối kỳ tiến hành kiểm kê hàng tồn kho cuối kỳ:

Trị giá thực tế tồn kho cuối kỳ = SL tồn x Đơn giá tính cho hàng tồn kho

$$\text{Trị giá thực tế xuất} = \text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế mua, nhập vào trong kỳ} - \text{Trị giá thực tế tồn cuối kỳ}$$

➤ **Ưu điểm:** Giảm nhẹ khối lượng công việc ghi chép, hạch toán. Không phải đối chiếu giữa số liệu kế toán và số lượng kiểm kê vì số liệu kế toán luôn khớp với thực tế.

➤ **Nhược điểm:**

- Công việc kế toán dồn vào cuối kỳ
- Công việc kiểm tra không thường xuyên và liên tục trong tình hình nhập, xuất kho sẽ gây hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán trong quản lý.
- Khó phát hiện sai sót nếu khi kiểm kê hàng thực tế nhập kho không trùng với ghi sổ kế toán.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

➤ **Phạm vi sử dụng:** Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, sản xuất kinh doanh những mặt hàng có giá trị thấp. Sử dụng các loại nguyên vật liệu ít tiền, chủng loại phức tạp. Việc theo dõi tình hình nhập xuất không thực hiện thuận tiện, được xuất thường xuyên.

### 1.3.2.2 Tài khoản sử dụng:

❖ **TK611-mua hàng:** theo dõi tình hình thu mua tăng giảm NVL theo giá trị thực tế.

Nợ	TK 611	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, NVL tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê)</li><li>- Giá gốc NVL mua vào trong kỳ</li></ul>		<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, NVL cuối kỳ.</li><li>- Giá gốc NVL xuất sử dụng trong kỳ hoặc xuất bán, chưa xác định là đã bán trong kỳ.</li><li>- Giá gốc nguyên vật liệu mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.</li></ul>

TK 611 cuối kỳ không có số dư và thường được mở chi tiết cho từng loại vật tư, hàng hóa.

TK 611 có hai tài khoản cấp 2:

- TK 6111- *Mua nguyên vật liệu*
- TK 6112- *Mua hàng hóa*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

❖ **TK 152- NVL:** Dùng để phản ánh, đánh giá thực tế NVL tồn kho, chi tiết từng loại.

Nợ	TK 152	Có
- Giá thực tế vật liệu tồn kho cuối kỳ		- Kết chuyển giá thực tế vật liệu tồn kho đầu kỳ
<b>Dư CK:</b> Giá thực tế vật liệu tồn kho		

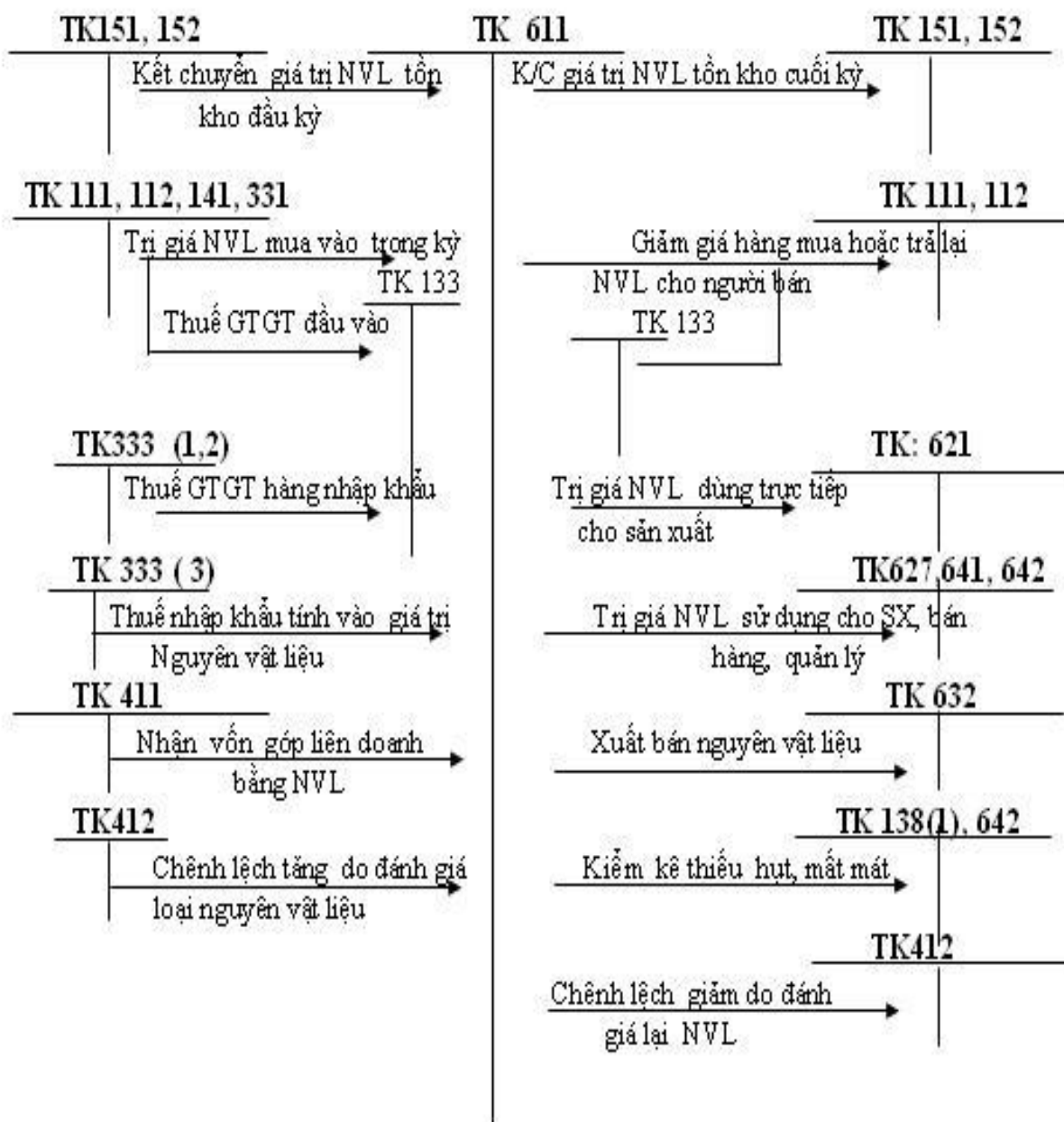
❖ **TK 151- Hàng mua đang đi đường:** dùng để phản ánh giá trị số hàng mua (đã thuộc sở hữu của đơn vị nhưng đang đi đường hay đang gửi tại kho người bán, chi tiết theo từng loại hàng, từng người bán.

Nợ	TK 151	Có
- Giá thực tế hàng đang đi đường cuối kỳ		- Kết chuyển giá thực tế hàng đang đi đường đầu kỳ
<b>Dư CK:</b> Giá thực tế hàng đang đi đường		

Ngoài ra trong quá trình hạch toán kinh tế còn sử dụng một số tài khoản khác như: TK 133, TK 111, TK 331, TK 113,... Các tài khoản có nội dung và kết cấu giống như phương pháp kê khai thường xuyên.

**1.3.2.3 Trình tự kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ.**

Trình tự hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ, tính thuế VAT theo phương pháp khấu trừ thể hiện qua sơ đồ sau:





### 1.4 Tổ chức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Chứng từ kế toán mới chỉ là những thông tin phản ánh riêng lẻ, chưa có tác dụng đối với công tác quản lý tổng hợp. Người ta không chỉ dựa trên các chứng từ riêng lẻ để đưa ra các quyết định kế toán. Vì vậy, cần phải sắp xếp các chứng từ thành những nghiệp vụ có nội dung kinh tế và công dụng tương tự, sau khi đã được sắp xếp bằng cách phản ánh đối ứng tài khoản thì cần theo dõi thường xuyên sổ sách kế toán chính là để đáp ứng nhu cầu đó. Các sổ kế toán không giống nhau vì từng loại nghiệp vụ sẽ có tính chất khác nhau nhưng giữa chúng có mối quan hệ mật thiết trong ghi chép đối chiếu. Mỗi cách kết hợp với nhau sẽ đem lại một hệ thống sổ khác nhau có những quy định riêng.

Hệ thống sổ kế toán trong doanh nghiệp được xây dựng để theo dõi tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Nhưng trong phạm vi đề tài nghiên cứu, em chỉ xét hệ thống sổ kế toán sử dụng hạch toán NVL.

#### ❖ Hình thức nhật ký chung:

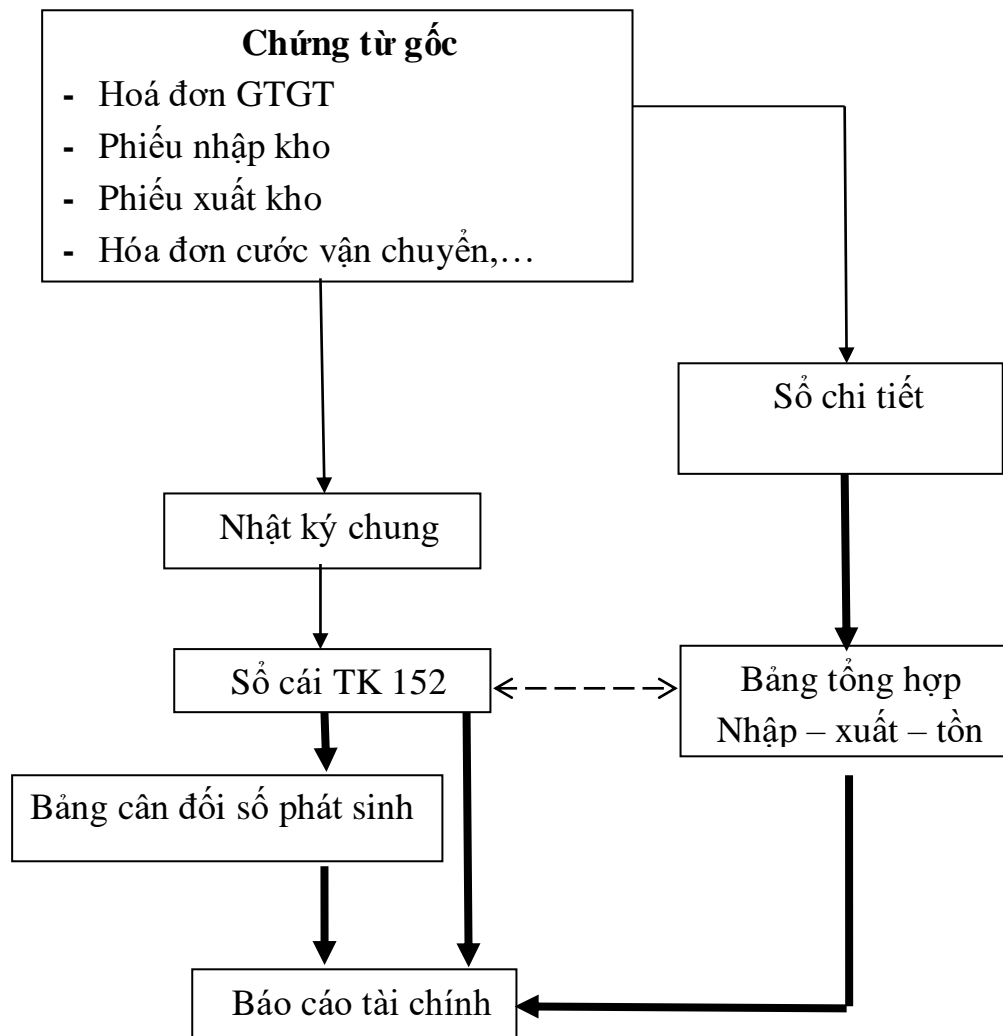
Hình thức ghi sổ này thuận tiện cho việc đối chiếu kiểm tra chi tiết theo chứng từ gốc. tuy nhiên có một số nghiệp vụ trùng lặp do vậy cuối tháng mới ghi vào sổ cái.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ phát sinh, kế toán ghi các số liệu vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian. Hàng ngày hoặc định kỳ lấy số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái, các số liệu liên quan đến các sổ thẻ kế toán chi tiết cũng được đồng thời ghi vào các sổ, thẻ chi tiết tương ứng.

Ngoài sổ nhật ký chung, kế toán có thể mở các nhật ký đặc biệt như: nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền, nhật ký mua hàng,... Định kỳ từ 5-10 ngày hoặc cuối tháng, khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp chứng từ sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái. Sổ cái sau khi đã loại trừ sự trùng lặp của những nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ đặc biệt khác (nếu có).

Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên sổ cái tính số dư để lập bảng cân đối tài khoản. Các số liệu trên sổ kế toán chi tiết cũng được tổng hợp để lập ra bảng tổng hợp chi tiết. Các số liệu trên sau khi kiểm tra khớp đúng được sử dụng để lập báo cáo kế toán.

**Sơ đồ trình tự hạch toán theo hình thức “nhật ký chung”**



**Ghi chú:**  $\longrightarrow$  Ghi hàng ngày       $\leftarrow - \rightarrow$  Đối chiếu, kiểm tra  
 $\longrightarrow$  Ghi cuối tháng

**❖ Hình thức nhật ký- sổ cái**

Hàng ngày người giữ nhật ký sổ cái nhận toàn bộ chứng từ gốc, kiểm tra, định khoản rồi ghi vào sổ. Mỗi chứng từ ghi vào một dòng ở cả hai phần nhật ký và sổ cái. Kế toán có thể lập bảng tổng hợp cho các chứng từ gốc cùng loại phát sinh nhiều lần trong tháng theo định kỳ sau đó căn cứ vào số liệu trên bảng này ghi vào sổ cái. Các chứng từ gốc liên quan đến các đối tượng cần hạch toán chi tiết sau khi ghi vào sổ cái được dùng để ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng sau khi ghi toàn bộ số liệu trên các chứng từ gốc vào nhật ký- sổ cái và các sổ chi tiết liên quan, kế toán cộng dồn số liệu trên nhật ký-

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

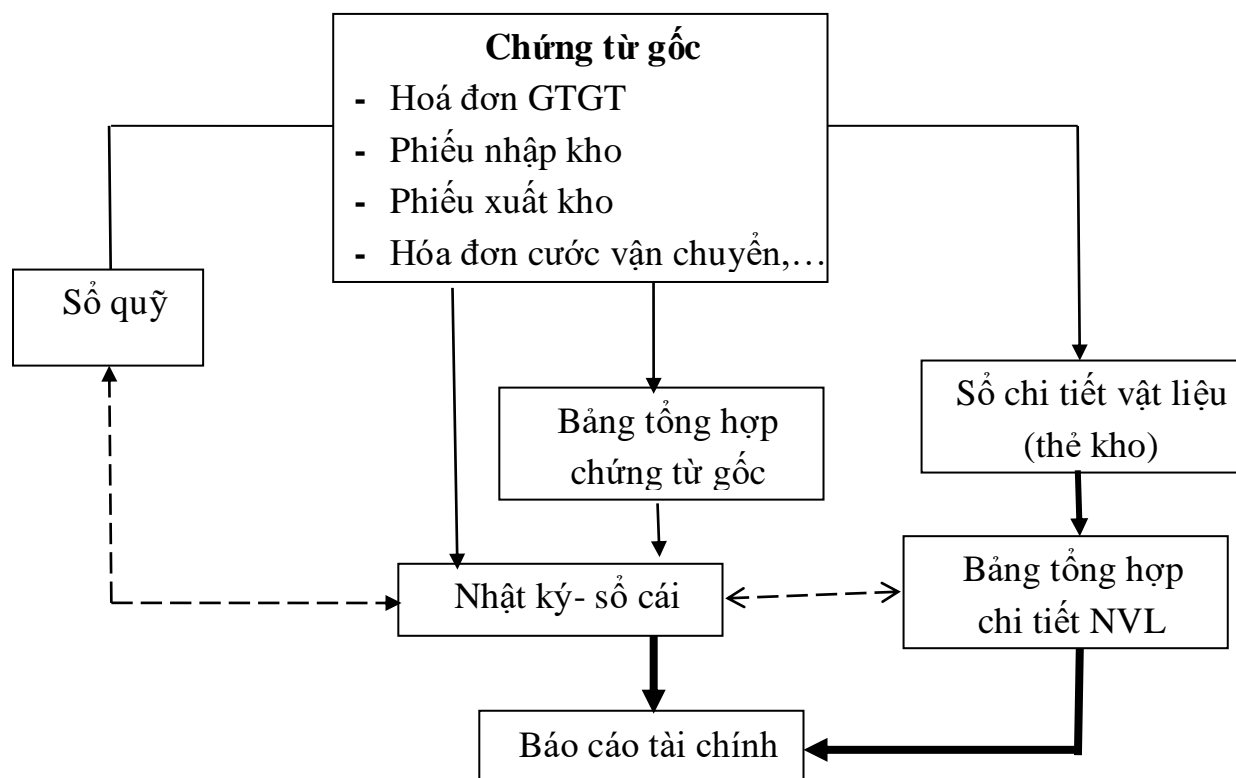
sổ cái và các sổ thẻ kế toán chi tiết. Các số liệu cộng dồn phải đạt được thông qua hệ cân đối như sau:

***Tổng số tiền PS = Tổng PS bên Nợ các TK = Tổng PS bên Có các TK***

***Tổng số dư Nợ cuối kỳ các TK = Tổng số dư Có cuối kỳ các TK***

Lập bảng tổng hợp số liệu phát sinh trên các sổ thẻ kế toán chi tiết cho từng TK. Đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp với số liệu trên sổ cái theo từng TK. Sau khi đối chiếu số liệu thấy đúng khớp thì căn cứ vào các số liệu trên sổ cái và các sổ chi tiết để lập báo cáo kế toán.

***Sơ đồ trình tự hạch toán theo hình thức “nhật ký- sổ cái”***

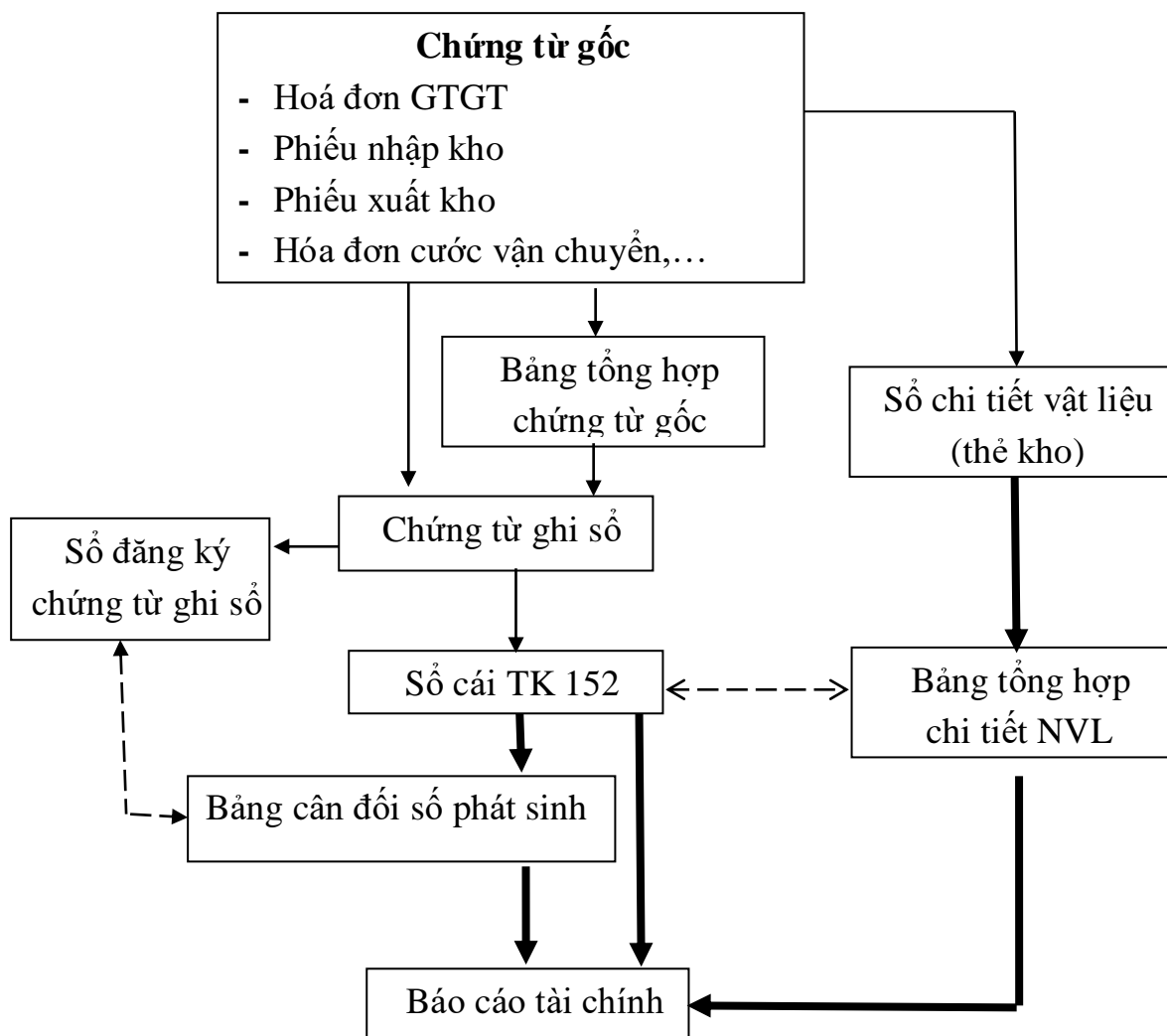


**Ghi chú:**  $\longrightarrow$  Ghi hàng ngày       $\longleftarrow\text{---}\longrightarrow$  Đối chiếu, kiểm tra  
 $\longrightarrow$  Ghi cuối tháng

Hình thức nhật ký sổ cái có ưu điểm là đơn giản dễ làm thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ ít nghiệp vụ kinh tế sử dụng ít TK (dưới 20TK) tuy nhiên hình thức này cũng tồn tại một số nhược điểm như: Việc ghi chép trùng lặp làm tăng khối lượng công việc kế toán, không thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô lớn, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

❖ **Hình thức chứng từ ghi sổ**

*Sơ đồ trình tự hạch toán theo hình thức “chứng từ ghi sổ”*



**Ghi chú:**   
 —————→ Ghi hàng ngày      <-----> Đối chiếu, kiểm tra  
 —————→ Ghi cuối tháng

Theo hình thức này việc hạch toán NVL được thực hiện trên các chứng từ ghi sổ, sổ cái tài khoản nguyên vật liệu, sổ chi tiết.

Hàng ngày hoặc định kỳ kế toán tập hợp, phân loại từng chứng từ theo nghiệp vụ kinh tế, lập chứng từ ghi sổ cho các chứng từ cùng loại có cùng định khoản. Chứng từ ghi sổ sau khi lập xong được ghi vào sổ đăng ký chứng từ để lấy số liệu. Số liệu của chứng từ ghi sổ chính là số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, số liệu tổng cộng trên chứng từ ghi sổ để được dùng ghi

sổ cái để tính số phát sinh và số dư cuối kỳ các tài khoản. Căn cứ vào số liệu cuối tháng kế toán lập bảng cân đối tài khoản và báo cáo cho kế toán.

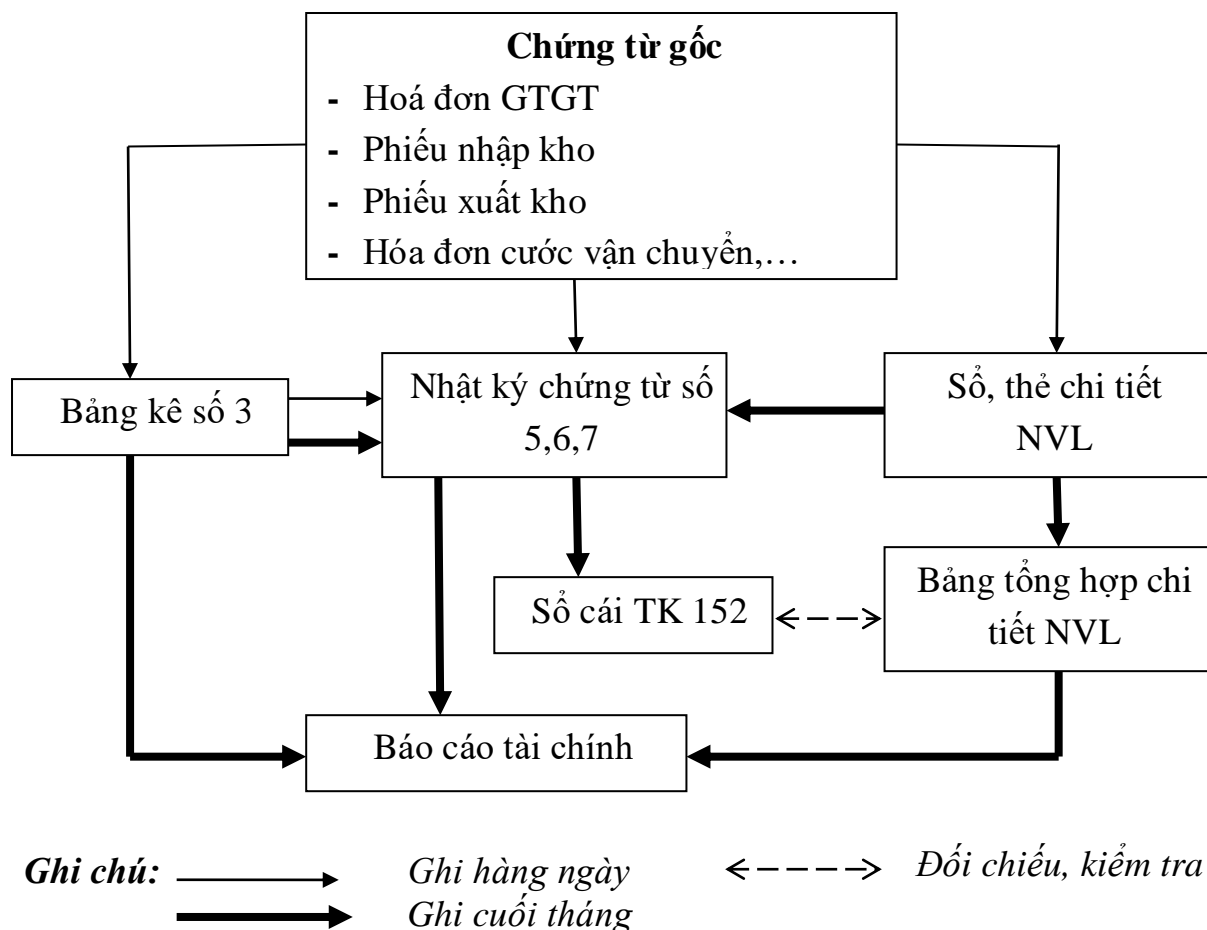
Kế toán chi tiết cũng căn cứ vào số liệu trên các chứng từ để ghi vào các sổ chi tiết có liên quan. Cuối tháng, kế toán căn cứ vào các số liệu trên các sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp các số liệu chi tiết. Đối chiếu số liệu của bảng này so với các số liệu của các tài khoản tổng hợp trên sổ cái để phát hiện sai sót.

Hình thức này có ưu điểm là thích hợp với mọi loại hình đơn vị, thuận tiện cho áp dụng máy vi tính. Tuy nhiên việc ghi chép bị trùng lặp nhiều nên việc lập báo cáo dễ bị chậm trễ nhất là trong điều kiện kế toán thủ công.

### ❖ Hình thức nhật ký chứng từ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào nhật ký chứng từ hoặc bảng kê có liên quan. trường hợp chi hàng ngày vào bảng kê thì cuối tháng phải chuyển số liệu tổng của bảng kê vào nhật ký chứng từ. Chứng từ gốc sau khi ghi vào nhật ký chứng từ, hoặc bảng kê được chuyển sang các bộ phận kế toán chi tiết để ghi vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết. Cuối tháng công các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết, lập các bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái. Sau khi khớp đúng số liệu, số liệu ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong nhật ký chứng từ, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết là cơ sở để lập bảng cân đối kế toán và các báo cáo kế toán khác.

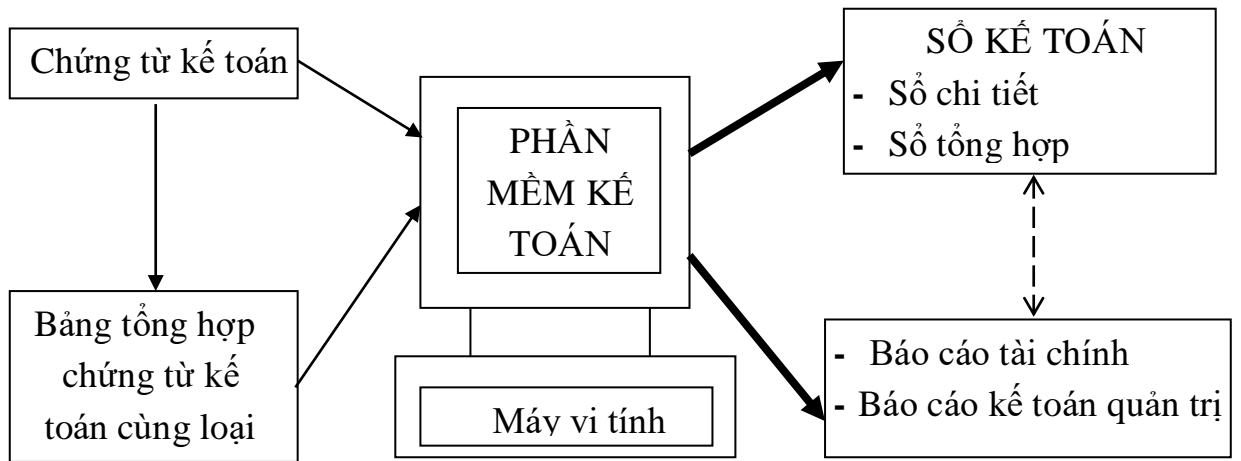
Hình thức này phù hợp với các loại hình kinh doanh phức tạp, quy mô lớn, những đơn vị có trình độ quản lý và kế toán cao, có nhu cầu chuyên môn hóa sâu, lao động kế toán thủ công.



**❖ Hình thức kế toán trên máy vi tính**

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để lập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc nhật ký - sổ cái) và các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng hoặc bất kỳ thời điểm nào, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu và in ngay ra được.



**Ghi chú:**

—————→ Ghi hàng ngày  
—————→ Ghi cuối tháng

<-----> Đối chiếu, kiểm tra

**CHƯƠNG II:**

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN  
VẬT LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP VẠN CHÁNH  
– CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI**

**2.1 Khái quát chung về Xí nghiệp Vạn Chánh- Công ty TNHH MTV Duyên Hải**

**ĐỊA ĐIỂM ĐÓNG QUÂN:** Thị trấn Phú Thứ - huyện Kinh Môn - tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 03203 824 764

Fax: 03203 824 786.

**2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển về Xí Nghiệp Vạn Chánh - công ty TNHH MTV Duyên Hải**

**2.1.1.1. Quá trình hình thành:**

Xí nghiệp Vạn Chánh - công ty TNHH MTV Duyên Hải - Quân khu 3

Tiền thân là Công trường thống nhất được thành lập ngày 10 tháng 6 năm 1975 thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hải Dương.

- Tháng 4 năm 1976 sáp nhập về Bộ tư lệnh Quân khu 3 với nhiệm vụ sản xuất Xi măng phục vụ Quốc phòng và dân sinh.

- Năm 1999 là thành viên của Công ty Xây dựng 319 - Quân khu 3.

- Tháng 12/2011 được thành lập lại theo quyết định số 102/QĐ-Cty ngày 14 tháng 02 năm 2012 trên cơ sở Xí nghiệp Vạn Chánh - Tổng công ty 319 - Bộ Quốc phòng, căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tính chất công việc ngày 10 tháng 12 năm 2011 Bộ Quốc phòng đã điều chuyển Tổng công ty 319 về trực thuộc Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 4799/QĐ - BQP; thành lập Công ty TNHH MTV Duyên Hải trực thuộc Quân khu 3 trên cơ sở hợp nhất 06 đơn vị thành viên và công ty Sông Hồng thuộc Tổng công ty 319; theo quyết định số: 4798/QĐ-BQP ngày 10/12/2011.

**2.1.1.2. Quá trình phát triển**

Lịch sử phát triển và trưởng thành Xí nghiệp Vạn Chánh đã đóng góp phần không nhỏ vào bề dày thành tích của Công ty 319 - Đơn vị anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới nay là Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng và truyền thống của lực lượng vũ trang Quân khu 3 là “ *làm giàu, đánh thắng*” góp phần tích cực vào thực hiện nhiệm vụ, xây dựng nền kinh tế quốc phòng, an ninh của Quân đội và đất nước trong thời kỳ đổi mới.



Nằm trong vùng tam giác phát triển kinh tế chiến lược của đất nước: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh là điều kiện quan trọng để Xí nghiệp Vạn Chánh - Công ty Duyên Hải không ngừng kế thừa, phát huy truyền thống đã đạt được trong những năm qua để ngày càng lớn mạnh và “**phát triển bền vững**”.

Với chiến lược “**phát triển bền vững**” Xí nghiệp tập trung vào:

- Nâng cao năng lực quản lý điều hành.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên đặc biệt đội ngũ quản lý, kỹ sư, thợ kỹ thuật có trình độ từng bước chuyên môn hóa trong các ngành nghề mũi nhọn, ngành nghề truyền thống.
- Xí nghiệp ưu tiên tập trung phát triển một số ngành nghề chính như:
  - Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hoàn thiện các dây chuyền sản xuất, đầu tư mua sắm trang thiết bị, hiện đại, đồng bộ bảo đảm đáp ứng kịp thời yêu cầu của khách hàng trong các lĩnh vực kinh doanh mà đơn vị tham gia.
  - Hoàn thành tốt nghĩa vụ với nhà nước, nhiệm vụ của Quốc Phòng, thực hiện tốt công tác chính sách và an sinh xã hội...

### **2.1.2 Chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động của xí nghiệp**

#### **2.1.2.1 Chức năng, nhiệm vụ**

**a. Chức năng:** Xí nghiệp Vạn Chánh là một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Quân khu 3, có đầy đủ tư cách pháp nhân, có con dấu riêng. Với các chức năng:

- Được phép kinh doanh theo luật định.
- Khai thác theo quy định cấp trên giao xuống
- Khai thác một cách có hiệu quả.

#### **b. Nhiệm vụ của Xí nghiệp:**

- + Sản xuất kinh doanh theo chỉ tiêu của cấp trên giao
- + Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ, chính sách do Nhà nước quy định bao gồm nộp thuế và thực hiện các quy định về ngành Xây dựng, sản xuất công nghiệp, thương mại .... cũng như quy định khác theo quyết định của Nhà nước.

### 2.1.2.2 Lĩnh vực hoạt động

- Xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình ngầm, sản xuất đồ gỗ và sản phẩm gỗ các loại, sản phẩm cơ khí phục vụ cho Quốc phòng (hòm đựng đạn, các trang thiết bị chuyên dùng cho ngành Quân khí trong Quân đội).

- Khảo sát dò tìm xử lý bom mìn, vật nổ khắc phục hậu quả sau chiến tranh.

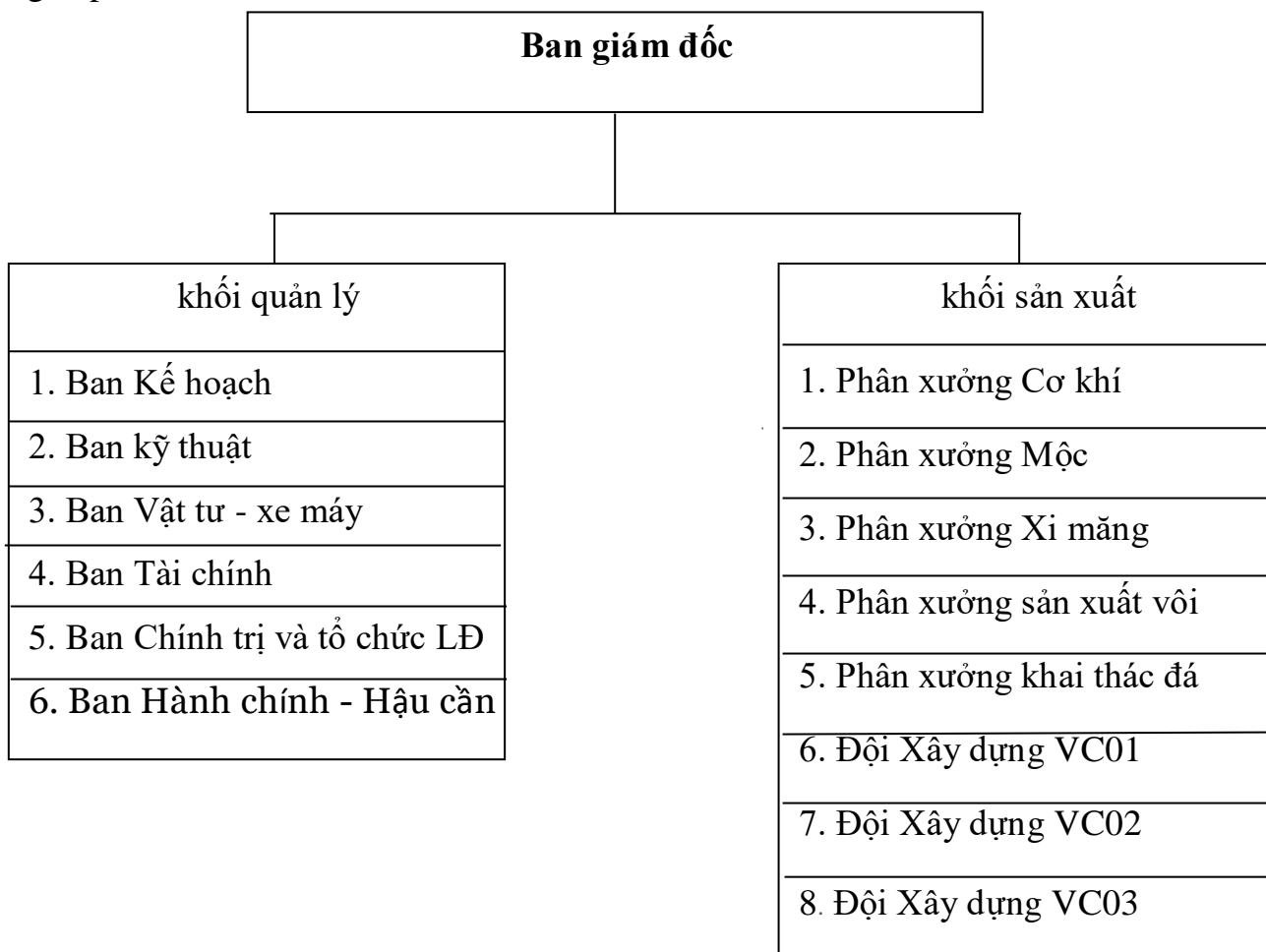
- Khai thác đá.

- Sản xuất vật liệu xây dựng.

- Kinh doanh thương mại, xuất khẩu vật tư, thiết bị...

### 2.1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất của Xí nghiệp Vạn Chánh

Thực hiện chế độ quản lý mới Xí nghiệp thường xuyên sắp xếp lại bộ máy với nhiệm vụ cụ thể đặt ra cho từng phòng ban, phân xưởng, Xí nghiệp áp dụng hình thức quản lý cơ cấu trực tuyến tham mưu theo chức năng, Xí nghiệp bố trí cán bộ nhân viên sao cho họ kiêm nhiều công việc nhằm tận dụng tối đa khả năng của mỗi người, phát huy khả năng quản lý của Xí nghiệp.



**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy Xí nghiệp Vạn Chánh**

### \* Chức năng của các phòng ban

Căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Xí nghiệp Vạn Chánh xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý theo kiểu trực tuyến chức năng. Theo trực tuyến có các cấp quản lý, mỗi cấp quản lý có một thủ trưởng toàn năng, chịu trách nhiệm toàn diện về điều hành các cấp mình phụ trách, cấp quản lý càng cao thì phải tập trung giải quyết nhiều hơn các vấn đề chiến lược, tổ chức cán bộ.

Với hình thức này, bên cạnh các bộ phận (các phòng ban) tham mưu, cố vấn, Giám đốc sẽ đưa ra các quyết định có tính chất chuyên môn, đặc biệt là chuyên môn sâu, đồng thời qua đó các lãnh đạo sẽ lựa chọn quyết định và tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện các quyết định đó. Việc truyền mệnh lệnh vẫn theo tuyến đã quy định, các lãnh đạo ở bộ phận chức năng ra lệnh trực tiếp cho những người thừa hành các bộ phận sản xuất, mà mọi hoạt động sản xuất của Xí nghiệp đều thông qua sự chỉ đạo của phòng Kỹ thuật - sản xuất -an toàn. Với cơ cấu này Giám đốc xí nghiệp vừa có thể chỉ đạo chung, vừa tận dụng khai thác trình độ chuyên môn của các chuyên gia mà chỉ thị lại không bị chòng chéo lẫn nhau. Do đó, Giám đốc vừa có thể quản lý Xí nghiệp dài hạn bằng các chức năng vừa quản lý ngắn hạn bằng các quyết định. Cơ cấu quản lý của Xí nghiệp Vạn Chánh được thể hiện ở hình (1.3).

(1) **Giám đốc:** là người đại diện có tư cách pháp nhân của Xí nghiệp, là người điều hành và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

(2) **Phó giám đốc:** có trách nhiệm quản lý và điều hành riêng về khâu mình phụ trách, tham mưu và thay mặt giám đốc ủy quyền ra các quyết định điều hành Xí nghiệp.

- Chức năng các phòng ban:

(3) **Ban Kế hoạch:** tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc xí nghiệp về công tác lập kế hoạch sản xuất dài hạn, ngắn hạn. Giao kế hoạch cho các tổ đội sản xuất theo khoán công đoạn, giám sát sản xuất và nghiệm thu chi phí khi kết thúc công việc. Cập nhật thường xuyên tình hình sản xuất của Xí nghiệp để báo cáo Công ty theo định kỳ: tháng, quý, năm. Nghiệm thu chi phí sản xuất theo công trình địa chất hoàn thành.

(4) **Ban Kỹ thuật:** tham mưu giúp Giám đốc trong việc lập các phương án tìm kiếm tham dò địa chất, theo dõi giám sát chỉ đạo thực hiện theo mục tiêu

nhiệm vụ đề ra; cập nhật tài liệu đầy đủ, chi tiết các công trình địa chất để phục vụ cho công tác tổng hợp, lập báo cáo; lập báo cáo địa chất kết quả tìm kiếm.

Giúp việc Giám đốc toàn bộ khâu lập các phương án kỹ thuật thi công, giám sát thi công các công trình, chỉ đạo việc thực hiện và trực tiếp kiểm tra chỉ đạo việc thực hiện công tác an toàn lao động, bảo hộ lao động của Xí nghiệp.

**(5) Ban vật tư – xe máy:** tham mưu giúp việc cho Giám đốc về công tác lập kế hoạch quản lý cung ứng, cấp phát vật tư, thiết bị, phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp, kịp thời đáp ứng vật tư cho sản xuất theo quy chế quản lý vật tư của Công ty TNHH MTV Duyên Hải.

**(6) Ban Tài chính – Kế toán (tài vụ):** tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về công tác kế toán tài chính của Xí nghiệp. Thực hiện đầy đủ pháp lệnh tài chính, pháp lệnh kế toán thống kê của Nhà nước và các quy định, quy chế tài chính của Công ty TNHH MTV Duyên Hải.

**(7) Ban chính trị và tổ chức lao động:** giúp việc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc xí nghiệp về công tác quản trị hành chính trong việc chuyển giao các quyết định, công văn, các thủ tục hành chính văn thư, báo chí; quản lý và sử dụng con dấu Xí nghiệp, phục vụ mọi yêu cầu thông tin, đảm bảo giữ bí mật công văn giấy tờ, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp, y tế chăm sóc sức khỏe cho công nhân; phục vụ công tác đời sống, vườn hoa, cây cảnh...

Tham mưu và xây dựng cơ cấu tổ chức lao động tiền lương, tiền thưởng, điều phối nhân lực hợp lý với cơ cấu sản xuất của Xí nghiệp. Làm các báo cáo định kì về nhân lực theo yêu cầu của ngành, theo dõi bảo hiểm xã hội cho cán bộ công nhân viên.

**(8) Ban hành chính Hậu cần:** tham mưu giúp việc cho Giám đốc về công tác hậu cần, ăn uống, tiếp khách, vệ sinh Ban Giám đốc và các phòng ban. Giúp việc Giám đốc trong công tác quân sự, bảo vệ.

**\* Chức năng của Khối sản xuất công nghiệp:**

- Các phân xưởng Cơ khí – Mộc: sản xuất các mặt hàng về cơ khí theo các hợp đồng mà Xí nghiệp ký được.

- Phân xưởng Xi măng, phân xưởng Vôi: Sản xuất xi măng và vôi xuất khẩu theo đơn hàng của khách hàng.

- Phân xưởng khai thác đá: Khai thác đá để phục vụ nung vôi, và bán đá ra ngoài thị trường.

- Đội Xây dựng VC01, VC02, VC03: Thi công các công trình mà Xí nghiệp ký hợp đồng hoặc những công trình do Công ty giao.

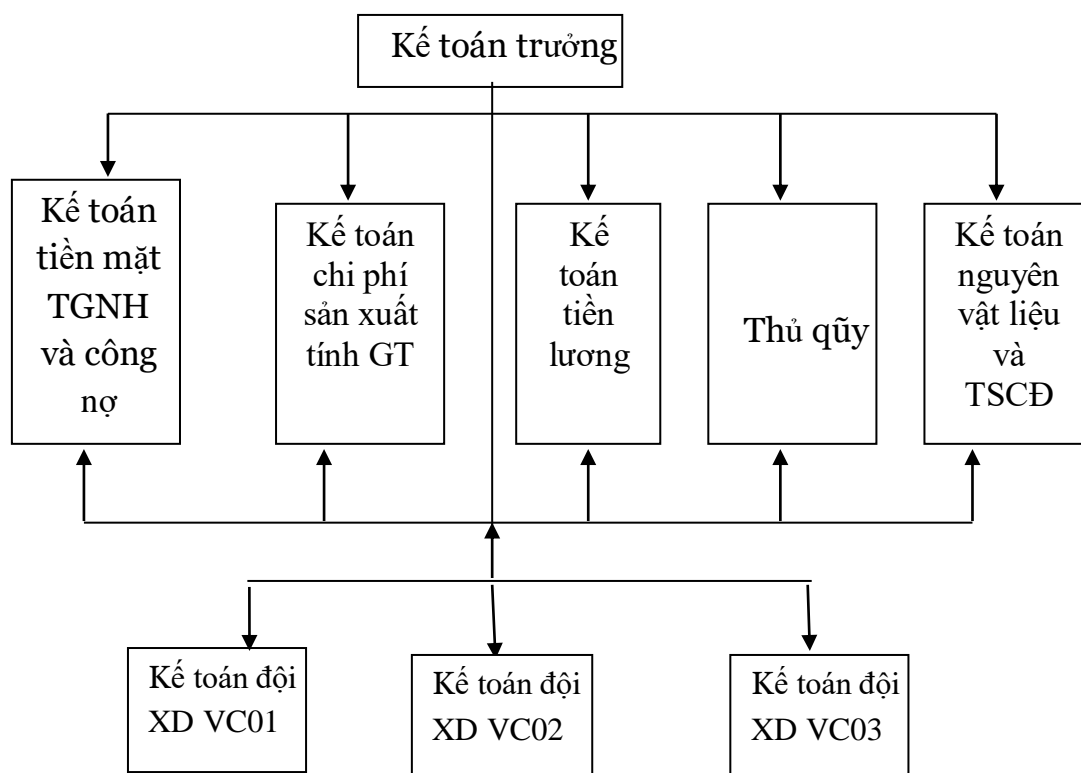
### **2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Xí nghiệp**

#### **2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Xí nghiệp Vạn Chánh – C.Ty TNHH MTV Duyên Hải**

Xí nghiệp Vạn Chánh đang áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và sử dụng kế toán thủ công.

Xí nghiệp Vạn Chánh tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, toàn bộ công việc kế toán được tập trung ở phòng tài chính - kế toán, ở các tổ khoan không có bộ phận kế toán riêng mà chỉ bố trí một nhân viên làm nhiệm vụ xử lý chứng từ ban đầu, định kỳ tổ trưởng gửi chứng từ về phòng tài chính kế toán. Tại phòng tài chính kế toán, kế toán tiến hành kiểm tra chứng từ ban đầu, phân loại, xử lý ghi sổ, hệ thống hóa số liệu, thực hiện chế độ báo cáo tài chính tháng, quý, năm để cung cấp thông tin kế toán phục vụ yêu cầu quản lý và quyết toán tài chính với Công ty và các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định. Mở đầy đủ sổ sách kế toán và ghi chép hạch toán theo đúng chế độ hiện hành, thực hiện tốt chế độ tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi, tham gia đầy đủ nghĩa vụ với bảo hiểm và ngân sách Nhà nước.

Cơ cấu bộ máy của bộ máy kế toán:



Sơ đồ 2.4: Sơ đồ bộ máy kế toán

Phòng tài chính – kế toán gồm 5 người:

**a. Kế toán trưởng:** Là người trực tiếp phụ trách phòng kế toán của Xí nghiệp, chỉ đạo chung tất cả các bộ phận kế toán về mặt nghiệp vụ. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước cơ quan tài chính cấp trên và Giám đốc công ty về các vấn đề có liên quan tới tình hình tài chính và công tác hạch toán kế toán của Xí nghiệp, theo dõi các khoản thu chi và hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Ngoài ra, cuối kì kế toán trưởng thực hiện kết chuyển chi phí vật liệu trực tiếp theo đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, thực hiện phân bổ chi phí cho các đối tượng và tính giá thành cho các sản phẩm.

**b. Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và công nợ:** Có nhiệm vụ làm các thủ tục thu, chi tiền mặt các khoản tiền tạm ứng của công nhân viên; theo dõi các khoản tiền và các khoản thanh toán; theo dõi các khoản nợ phải thu, phải trả với khách hàng.

**c. Kế toán nguyên vật liệu và tài sản cố định:** Theo dõi tình hình tăng giảm của tài sản cố định và tính khấu hao tài sản cố định, phối hợp với các phòng ban và các bộ phận có liên quan làm thủ tục thanh lý TSCĐ đã khấu hao hết, quyết toán các trường hợp mua bán vật tư, thiết bị máy móc; theo

dõi tình hình nhập xuất nguyên phụ liệu từ các nơi nhập về và xuất đi sản xuất.

**d. Kế toán tiền lương:** Là kế toán chịu trách nhiệm về theo dõi tình hình tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, thuê thu nhập cá nhân... cho toàn bộ công nhân viên trong Xí nghiệp.

**e. Thủ quỹ:** Theo dõi sự biến động của các loại quỹ, chịu trách nhiệm về quản lý tiền của Xí nghiệp trong két. Thủ quỹ căn cứ vào phiếu thu chi hợp lệ đề xuất hoặc nhập quỹ, ghi vào sổ vốn thu hoặc chi để làm căn cứ đối chiếu với sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền của kế toán tiền mặt.

**g. Kế toán đội:** Là người thường xuyên theo dõi và bám sát các công trình xây dựng, tập hợp các chứng từ ban đầu gửi về Phòng tài chính Xí nghiệp để làm căn cứ ghi sổ kế toán. Ngoài ra, công việc thường xuyên của kế toán đội là thực hiện việc thanh quyết toán với các nhân viên của đội.

### 2.1.4.2 Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Công tác hạch toán kế toán tại Công ty được thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

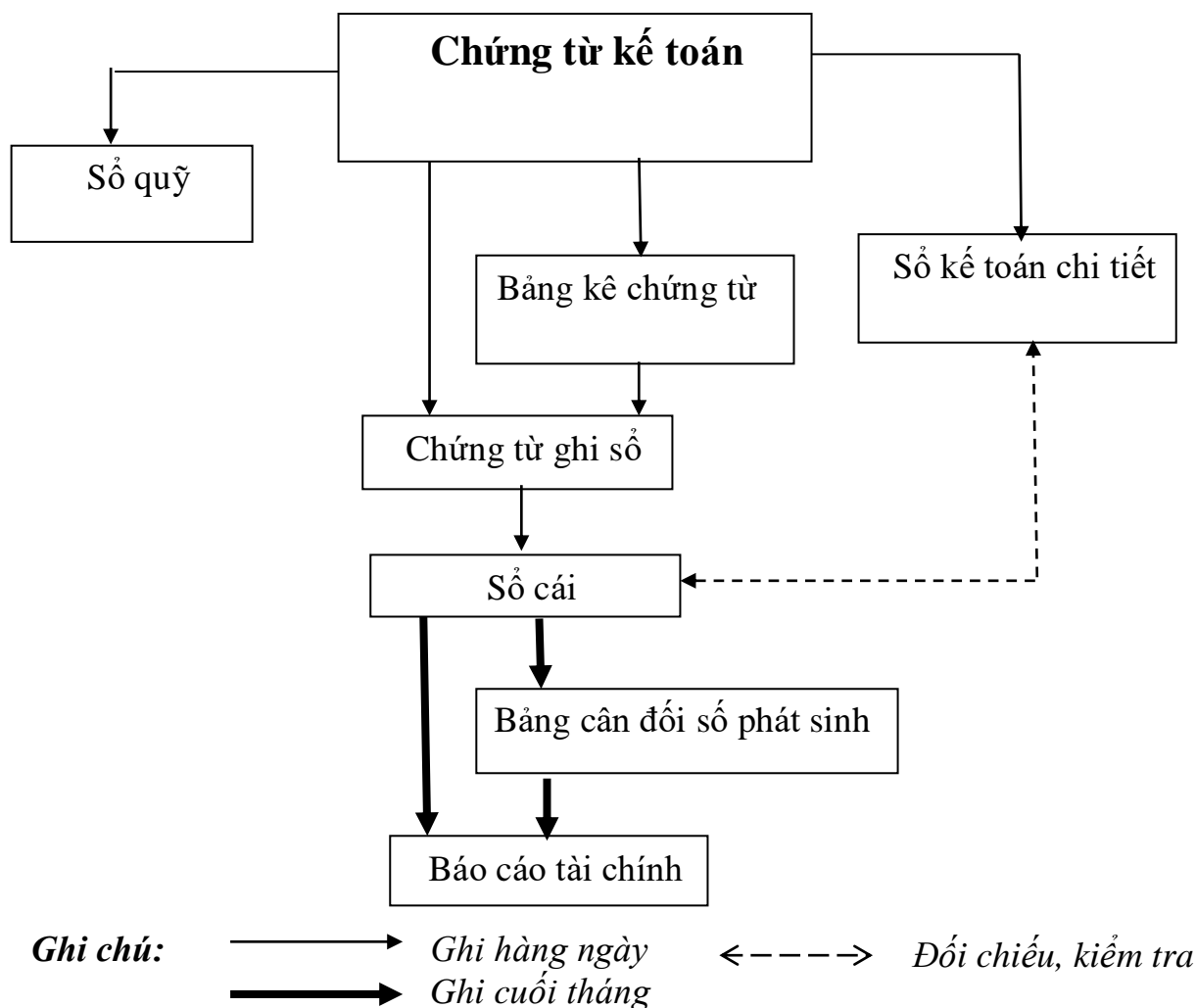
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Kỳ kế toán từng tháng trong năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam. Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ khác được quy đổi về Đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo.

#### \* Hình thức kế toán

#### - Hình thức kế toán áp dụng trong Xí nghiệp

Xí nghiệp Vạn Chánh áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

Sơ đồ trình tự hạch toán theo hình thức “chứng từ ghi sổ”



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tại Xí nghiệp

**\* Phương pháp kế toán hàng tồn kho:**

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Theo giá gốc (bao gồm cả chi phí mua hàng)

**\* Phương pháp xác định đơn giá hàng xuất kho:** Xí nghiệp đang áp dụng tính giá trị vật tư xuất kho theo phương pháp nhập trước - xuất trước.

**\* Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Xí nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

**\* Phương pháp tính thuế GTGT:** theo phương pháp khấu trừ.



### 2.2 Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Xí nghiệp Vạn Chánh – C.Ty TNHH MTV Duyên Hải.

#### 2.2.1 Thủ tục nhập - xuất NVL, và chứng từ kế toán liên quan của Xí nghiệp

##### 2.2.1.1 Thủ tục nhập kho

- Căn cứ vào tiến độ thi công, khối lượng công việc thực tế, lượng nguyên vật liệu dự trữ trong kho, kỹ thuật công trường sẽ đề nghị với đội trưởng để có kế hoạch mua hàng.

- Khi đã tham khảo bảng báo giá hợp lý, kế toán đội sẽ trình kế hoạch mua lên cho đội trưởng xét duyệt, sau đó kỹ thuật sẽ báo cho đơn vị cung cấp vật liệu để lấy vật liệu. Hàng hóa khi chuyển về kho sẽ được thủ kho kiểm tra đủ số lượng và mang hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận hàng về cho kế toán

##### \* Tại kho

- Hàng hóa khi chuyển về kho sẽ được thủ kho kiểm tra số lượng và quy cách vật liệu thực tế đối chiếu với hóa đơn GTGT, sau đó mang hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận hàng về cho kế toán. Kế toán sẽ lập phiếu nhập kho để cho NVL vào trong kho.

- Phiếu nhập kho được lập 02 bản, thủ kho giữ 01 bản để ghi vào thẻ kho, kế toán giữ 01 bản để ghi sổ kế toán.

\* Do xí nghiệp nhập kho NVL do mua ngoài nên giá nhập kho sẽ được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực} \\ \text{tế NVL} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua ghi} \\ \text{trên hóa đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{liên quan} \\ \text{trực tiếp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chiết khấu,} \\ \text{giảm giá} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá mua ghi trên hóa đơn là giá chưa có thuế GTGT
- Chi phí liên quan trực tiếp gồm : chi phí vận chuyển, bốc dỡ...
- Các khoản chiết khấu, giảm giá gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua, hàng mua bị trả lại.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Ví dụ 1:** Ngày 09/05/2018 Xi nghiệp mua vật tư sắt thép của công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars, đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển. Thuế GTGT 10%, chưa thanh toán.

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cọc chống sét	Cái	38	90.000	3.420.000
2	Dây thép	Kg	490	16.364	8.018.360
3	Thép tròn D<=10mm	Kg	10.970	11.518	126.352.460
4	Thép tròn D<=18mm	Kg	1.405	11.368	15.972.040
<b>Tổng cộng</b>					<b>153.762.860</b>

- Thủ tục nhập kho NVL tại Xí nghiệp Vạn Chánh:
  - Căn cứ vào tiến độ thi công, khối lượng công việc thực tế trong tháng 5, lượng nguyên vật liệu dự trữ trong kho, kỹ thuật công trường đề nghị với đội trưởng để có kế hoạch mua hàng.
  - Khi đã tham khảo bảng báo giá hợp lý, kế toán đội sẽ trình kế hoạch mua vật tư sắt thép của công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars lên cho đội trưởng và giám đốc xét duyệt.
  - Sau khi thông qua quyết định mua hàng, Giám đốc sẽ trực tiếp kí hợp đồng mua bán với công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars.
  - Sau đó, ông Nguyễn Hồng Sơn đại diện cho xí nghiệp sẽ đi mua vật tư và nhận Hóa đơn GTGT số 0000073, biên bản giao nhận hàng hóa của công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars.
  - Ông Nguyễn Văn Mạnh đại diện cho công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars giao hàng tại kho cho xí nghiệp.
  - Tại kho, thủ kho và kỹ thuật tiến hành kiểm tra số lượng, quy cách NVL, đối chiếu với số lượng ghi trên Hóa đơn GTGT số 0000073, biên bản giao nhận hàng hóa. Sau đó, kế toán sẽ lập phiếu nhập kho để cho NVL vào kho.
  - Phiếu nhập kho được lập 02 liên, thủ kho giữ 01 liên để ghi vào sổ kho, kế toán giữ 01 liên để ghi sổ kế toán.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Ví dụ 2:** Ngày 09/05/2018 Xi nghiệp mua vật tư nước của công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars, đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển. Thuế GTGT 10%, chưa thanh toán.

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Băng tan	m	8	3.000	24.000
2	Chậu rửa loại 1 vòi	Bộ	3	1.600.000	4.800.000
3	Chậu tiểu nam	Bộ	2	1.580.000	3.160.000
4	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...
60	Vòi tắm hương sen vòi, 1 hương sen	Bộ	4	1.160.000	4.640.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>190.878.708</b>

- Thủ tục nhập kho NVL tại Xí nghiệp Vạn Chánh:
  - Căn cứ vào tiến độ thi công, khối lượng công việc thực tế trong tháng 5, lượng nguyên vật liệu dự trữ trong kho, kỹ thuật công trường đề nghị với đội trưởng để có kế hoạch mua hàng.
  - Khi đã tham khảo bảng báo giá hợp lý, kế toán đội sẽ trình kế hoạch mua vật tư nước của công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars lên cho đội trưởng và giám đốc xét duyệt.
  - Sau khi thông qua quyết định mua hàng, Giám đốc sẽ trực tiếp kí hợp đồng mua bán với công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars.
  - Sau đó, ông Nguyễn Hồng Sơn đại diện cho xí nghiệp sẽ đi mua vật tư và nhận Hóa đơn GTGT số 0000072, biên bản giao nhận hàng hóa của công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars.
  - Ông Nguyễn Văn Mạnh đại diện cho công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars giao hàng tại kho cho xí nghiệp.
  - Tại kho, thủ kho và kỹ thuật tiến hành kiểm tra số lượng, quy cách NVL, đối chiếu với số lượng ghi trên Hóa đơn GTGT số 0000072, biên bản giao nhận hàng hóa. Sau đó, kế toán sẽ lập phiếu nhập kho để cho NVL vào kho.
  - Phiếu nhập kho được lập 02 liên, thủ kho giữ 01 liên để ghi vào sổ kho, kế toán giữ 01 liên để ghi sổ kế toán.

### 2.2.1.2 Thủ tục xuất kho

Xí nghiệp Vạn Chánh là đơn vị xây dựng với các đội XDCT đóng trên nhiều địa bàn ngay tại chân công trình nên vật liệu xuất kho chủ yếu sử dụng cho mục đích xây dựng các công trình theo những hợp đồng mà Công ty đã ký kết. Để tiện cho việc tính toán giá vật liệu xuất dùng được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước. Nhận mặt bằng thi công công trình nào mới mua vật liệu dự trữ cho công trình đó ngay tại chân công trình nên việc xác định giá thực tế xuất kho là tương đối hợp lý và dễ làm. Việc xuất kho vật liệu được tiến hành theo trình tự sau.

Căn cứ vào nhu cầu vật tư của công trình, kế toán đội có trách nhiệm cung cấp cho các đội đúng yêu cầu của tiến độ thi công. Kế toán đội sẽ viết “Phiếu xuất kho” cho công trình theo yêu cầu. Vật tư được định sẵn cho từng công trình.

Kỹ thuật công trường và thủ kho nhận vật tư kiểm tra số lượng, chất lượng vật tư tại chân công trình sau đó ký nhận vào phiếu xuất kho.

Kế toán sẽ lập phiếu xuất kho thành 02 liên cá bên liên quan ký, sau đó kỹ thuật sẽ đến kho để lấy NVL. Thủ kho giữ 01 liên để ghi vào sổ kho, kế toán giữ 01 liên để ghi sổ kế toán.

Đơn giá của vật tư xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước. do đặc thù của xây dựng cơ bản vật tư mua được chuyển trực tiếp về công trình nên giá xuất kho bằng với giá ghi trên phiếu nhập kho.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Ví dụ 3:** Cùng ngày 09/05/2018 xuất vật tư sắt thép vừa mua của công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars cho công trình Xưởng X264 gói thầu 06 để đưa vào xây dựng.

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cọc chống sét	Cái	38	90.000	3.420.000
2	Dây thép	Kg	490	16.364	8.018.360
3	Thép tròn D $\leq$ 10mm	Kg	10.970	11.518	126.352.460
4	Thép tròn D $\leq$ 18mm	Kg	1.405	11.368	15.972.040
<b>Tổng cộng</b>					<b>153.762.860</b>

\* Thủ tục xuất kho

- Căn cứ theo tiến độ của công trình xây dựng kỹ thuật công trình sẽ yêu cầu với kế toán đội xuất vật tư cho thi công
- Khi nhận được yêu cầu của kỹ thuật, vật tư thép được chuyển trực tiếp về chân công trình, kế toán sẽ lập phiếu xuất kho đưa cho các bên liên quan ký.
- Ông Nguyễn Thái Xuân kỹ thuật công trường, ông Nguyễn Đạt Chiến thủ kho kiểm tra số lượng chất lượng của vật tư thép tại chân công trình và ký nhận vào phiếu xuất kho.
- Giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước chính bằng giá ghi trên phiếu nhập kho cùng ngày.
- Phiếu xuất kho được lập 02 bản, thủ kho giữ 1 bản để ghi thẻ kho, kế toán giữ 1 bản để ghi sổ theo dõi.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Ví dụ 4:** Cùng ngày 09/05/2018 xuất vật tư nước vừa mua của công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars cho công trình Xưởng X264 gói thầu 06 để đưa vào xây dựng.

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Băng tan	m	8	3.000	24.000
2	Chậu rửa loại 1 vòi	Bộ	3	1.600.000	4.800.000
3	Chậu tiểu nam	Bộ	2	1.580.000	3.160.000
4	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...
60	Vòi tắm hương sen 1 vòi, 1 hương sen	Bộ	4	1.160.000	4.640.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>190.878.708</b>

\* Thủ tục xuất kho

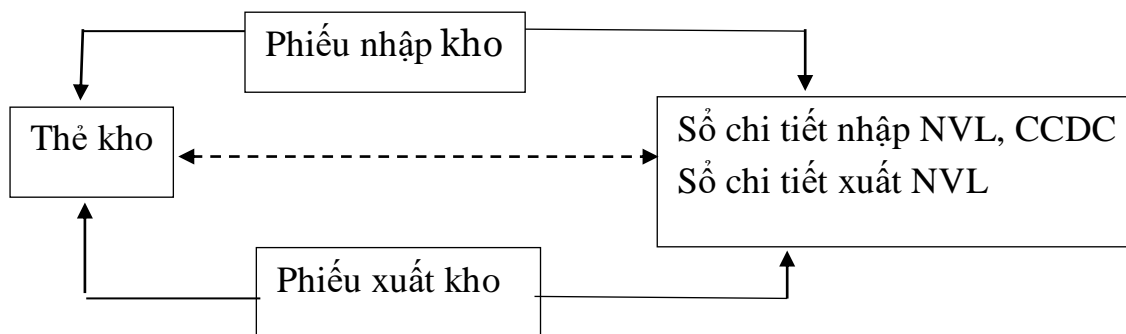
- Căn cứ theo tiến độ của công trình xây dựng kỹ thuật công trình sẽ yêu cầu với kế toán đội xuất vật tư cho thi công
- Khi nhận được yêu cầu của kỹ thuật, vật tư nước được chuyển trực tiếp về chân công trình, kế toán sẽ lập phiếu xuất kho đưa cho các bên liên quan ký.
- Ông Nguyễn Thái Xuân kỹ thuật công trường, ông Nguyễn Đạt Chiến thủ kho kiểm tra số lượng chất lượng của vật tư nước tại chân công trình và ký nhận vào phiếu xuất kho.
- Giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước chính bằng giá ghi trên phiếu nhập kho cùng ngày.
- Phiếu xuất kho được lập 02 bản, thủ kho giữ 1 bản để ghi thẻ kho, kế toán giữ 1 bản để ghi sổ theo dõi.

### **2.2.1.3 Kế toán chi tiết NVL tại xí nghiệp**

NVL tại xí nghiệp có nhiều chủng loại khác nhau, vì vậy hạch toán NVL phải đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của NVL. Hạch toán chi tiết được tiến hành song song với hạch toán tổng hợp nhằm quản lý chặt chẽ tình hình biến động tài sản của đơn vị.

Kế toán thực hiện hình thức hạch toán chi tiết NVL phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo phương pháp thẻ song song

**Sơ đồ hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song**



Ghi chú:       $\longrightarrow$       Ghi hàng ngày       $\leftarrow\text{---}\rightarrow$       Đối chiếu, kiểm tra

Căn cứ vào phiếu nhập kho được lập và hóa đơn GTGT kế toán sẽ ghi về số lượng, đơn giá, thành tiền vào sổ chi tiết nhập NVL, CCDC.

Căn cứ vào phiếu xuất kho được lập và hóa đơn GTGT kế toán sẽ ghi về số lượng, đơn giá, thành tiền vào sổ chi tiết xuất NVL.

Sổ chi tiết xuất NVL ghi rõ chủng loại, số lượng, đơn giá, thành tiền khi xuất cho từng công trình riêng biệt để tiện cho việc theo dõi và hạch toán.

**Tiếp Ví dụ 1.3:** Ngày 09/05/2018 Xi nghiệp mua vật tư sắt thép của công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars, đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển. Thuế GTGT 10%, chưa thanh toán.

Cùng ngày 09/05/2018 xuất vật tư sắt thép vừa mua của công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars cho công trình Xưởng X264 gói thầu 06 để đưa vào xây dựng.

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cọc chống sét	Cái	38	90.000	3.420.000
2	Dây thép	Kg	490	16.364	8.018.360
3	Thép tròn D<=10mm	Kg	10.970	11.518	126.352.460
4	Thép tròn D<=18mm	Kg	1.405	11.368	15.972.040
<b>Tổng cộng</b>					<b>153.762.860</b>

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000073 và số lượng nhập thực tế, kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho.

Khi nhận được phiếu nhập kho, thủ kho ghi vào thẻ kho đồng thời kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết nhập NVL, CCDC.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000073 và số lượng xuất thực tế, kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho.

Khi nhận được phiếu xuất kho, thủ kho ghi vào thẻ kho đồng thời kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết xuất NVL.

**Tiếp Ví dụ 2,4:** Ngày 09/05/2018 Xi nghiệp mua vật tư nước của công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars, đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển. Thuế GTGT 10%, chưa thanh toán.

Cùng ngày 09/05/2018 xuất vật tư nước vừa mua của công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars cho công trình Xưởng X264 gói thầu 06 để đưa vào xây dựng.

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Băng tan	m	8	3.000	24.000
2	Chậu rửa loại 1 vòi	Bộ	3	1.600.000	4.800.000
3	Chậu tiểu nam	Bộ	2	1.580.000	3.160.000
4	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...
60	Vòi tắm hương sen 1 vòi, 1 hương sen	Bộ	4	1.160.000	4.640.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>190.878.708</b>

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000072 và số lượng nhập thực tế, kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho.

Khi nhận được phiếu nhập kho, thủ kho ghi vào thẻ kho đồng thời kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết nhập NVL, CCDC.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000072 và số lượng xuất thực tế, kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho.

Khi nhận được phiếu xuất kho, thủ kho ghi vào thẻ kho đồng thời kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết xuất NVL.



### 2.2.1.4 Kế toán tổng hợp NVL tại Xí nghiệp

Xí nghiệp Vạn Chánh hạch toán NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên đó là phương pháp theo dõi ghi chép và phản ánh thường xuyên liên tục, có hệ thống tình hình tăng giảm NVL sau mỗi lần phát sinh nghiệp vụ nhập, xuất NVL.

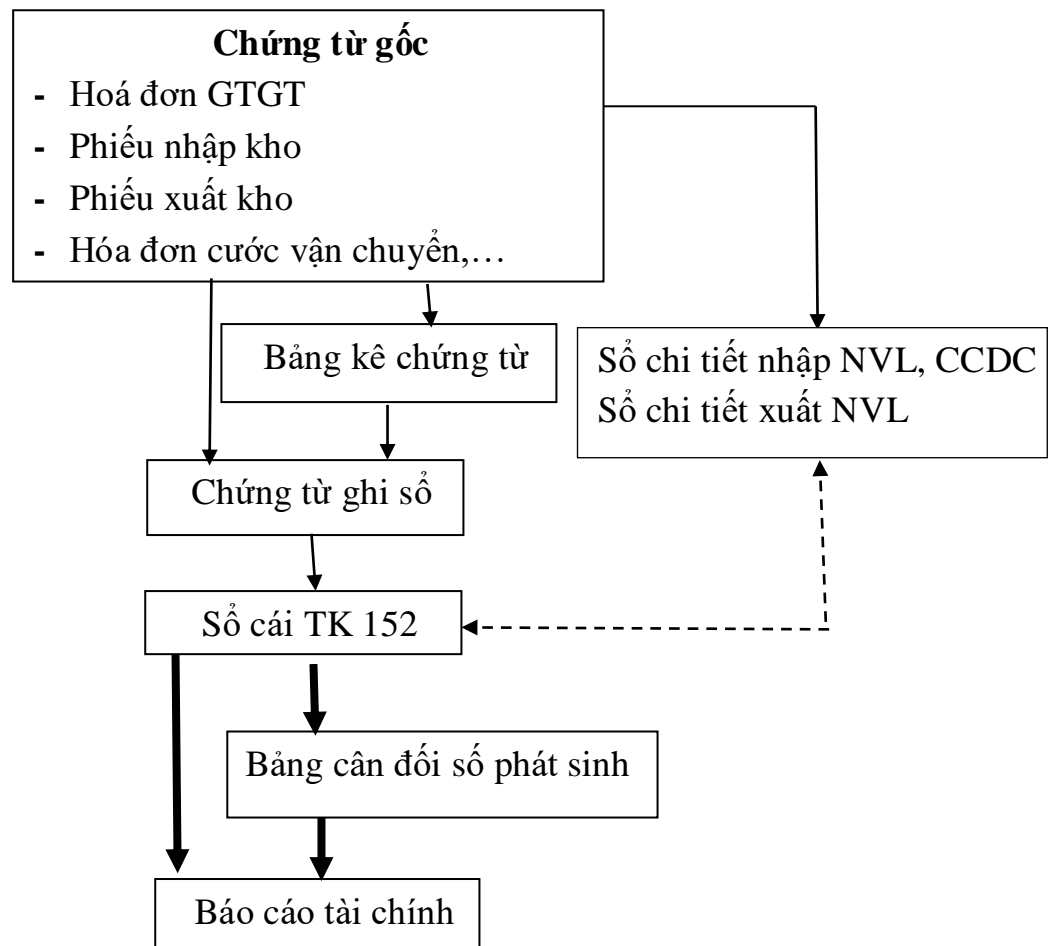
\*Chứng từ sử dụng

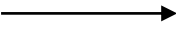


- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho ( Mẫu 01 VT)
- Phiếu xuất kho ( Mẫu 02 VT)
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan

\*Các tài khoản sử dụng

- TK 152: Nguyên liệu, vật liệu
- Nghiệp vụ nhập NVL
  - + TK 111: Tiền mặt
  - + TK 112: Tiền gửi ngân hàng
  - + TK 331: Phải trả người bán
- Nghiệp vụ xuất NVL
  - + TK 621: Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp
  - + TK 623.2: Chi phí vật liệu sử dụng máy thi công
  - + TK 627.2: Chi phí nguyên vật liệu, chi phí lán trại.

## Sơ đồ trình tự hạch toán theo hình thức “chứng từ ghi sổ”



**Ghi chú:**  Ghi hàng ngày       Đối chiếu, kiểm tra  
 Ghi cuối tháng

Hàng ngày, sau khi nhận được chứng từ do thủ kho chuyển đến, kế toán nguyên vật liệu ghi đơn giá, tính thành tiền cho mỗi Phiếu nhập kho và Phiếu xuất kho, rồi chuyển số liệu vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (cả chỉ tiêu số lượng và giá trị).

Sổ chi tiết nhập nguyên vật liệu và sổ chi tiết xuất nguyên vật liệu được mở tương ứng với Thẻ kho. Cuối tháng, kế toán vật tư tính ra số tồn cả về số lượng và giá trị cho từng loại nguyên vật liệu trên Sổ chi tiết nguyên, vật liệu.

Từ phiếu nhập kho, phiếu xuất kho kế toán sẽ lập bảng kê chứng từ và chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ cái.

Số liệu trong sổ chi tiết sẽ được đối chiếu với số liệu trên Sổ cái, cụ thể dòng tổng cộng tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ, xuất trong kỳ và tồn cuối kỳ trên sổ chi tiết được đối chiếu với dòng số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ trên Sổ cái.

Số liệu từ sổ cái được dùng để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh dùng để lập báo cáo tài chính.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Tiếp Ví dụ 1,3:** Ngày 09/05/2018 Xi nghiệp mua vật tư sắt thép của công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars, đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán.

Cùng ngày 09/05/2018 xuất vật tư sắt thép vừa mua của công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars cho công trình Xưởng X264 gói thầu 06 để đưa vào xây dựng.

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cọc chống sét	Cái	38	90.000	3.420.000
2	Dây thép	Kg	490	16.364	8.018.360
3	Thép tròn D<=10mm	Kg	10.970	11.518	126.352.460
4	Thép tròn D<=18mm	Kg	1.405	11.368	15.972.040
	<b>Tổng cộng</b>				<b>153.762.860</b>

Sau khi người bán xuất hóa đơn và xí nghiệp đã nhận đủ hàng.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000073 và số lượng thực tế nhập, kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho.

Từ phiếu nhập kho và các chứng từ liên quan, kế toán lập bảng kê chứng từ nhập và chứng từ ghi sổ.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000073 và số lượng thực tế xuất, kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho.

Từ phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan, kế toán lập bảng kê chứng từ xuất và chứng từ ghi sổ.

Từ chứng từ ghi sổ kế toán sẽ phản ánh vào sổ cái.

Từ sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Sau đó, vào cuối kỳ từ bảng cân đối số phát sinh kế toán sẽ lập báo cáo tài chính.

**Tiếp Ví dụ 2,4:** Ngày 09/05/2018 Xi nghiệp mua vật tư nước của công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars, đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán.

Cùng ngày 09/05/2018 xuất vật tư sắt thép vừa mua của công ty CP đầu tư xây dựng và cung ứng nhân lực HS Stars cho công trình Xưởng X264 gói thầu 06 để đưa vào xây dựng.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Băng tan	m	8	3.000	24.000
2	Chậu rửa loại 1 vòi	Bộ	3	1.600.000	4.800.000
3	Chậu tiểu nam	Bộ	2	1.580.000	3.160.000
4	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...
60	Vòi tắm hương sen 1 vòi, 1 hương sen	Bộ	4	1.160.000	4.640.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>190.878.708</b>

Sau khi người bán xuất hóa đơn và xí nghiệp đã nhận đủ hàng.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000072 và số lượng thực tế nhập, kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho.

Từ phiếu nhập kho và các chứng từ liên quan, kế toán lập bảng kê chứng từ nhập và chứng từ ghi sổ.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000072 và số lượng thực tế xuất, kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho.

Từ phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan, kế toán lập bảng kê chứng từ xuất và chứng từ ghi sổ.

Từ chứng từ ghi sổ kế toán sẽ phản ánh vào sổ cái.

Từ sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Sau đó, vào cuối kỳ từ bảng cân đối số phát sinh kế toán sẽ lập báo cáo tài chính.

**CHƯƠNG III:**

**MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI XÍ NGHIỆP VẠN CHÁNH**

**3.1. Đánh giá chung về công tác hạch toán NVL tại Xí nghiệp Vạn Chánh**

**3.1.1. Ưu điểm**

**3.1.1.1 Tổ chức bộ máy quản lý**

- Cơ cấu chức năng phân chia các nhiệm vụ rất rõ ràng, thích hợp với những lĩnh vực cá nhân được đào tạo.

- Trong cơ cấu này, phần lớn các nhân viên đều dễ dàng hiểu công việc của phòng ban mình và công việc của mình.

- Cơ cấu chức năng thực hiện chặt chẽ chế độ một thủ trưởng

- Tổ chức theo cơ cấu này thì các phòng ban, bộ phận sẽ hoạt động độc lập được với nhau, do đó sẽ không bị lặp lại công việc giữa các phòng ban làm cho công việc được hoàn thành nhanh nhất.

- Mỗi phòng ban sẽ đảm nhiệm riêng công việc của từng phòng nên khi phân công việc không bị chồng chéo giữa các phòng ban với nhau, hiệu quả công việc được nâng cao.

**3.1.1.2 Tổ chức về công tác kế toán**

**\* Tổ chức bộ máy kế toán**

- Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung.

- Hình thức này có ưu điểm là bảo đảm sự tập trung, thống nhất và chặt chẽ trong việc chỉ đạo công tác kế toán giúp đơn vị kiểm tra, chỉ đạo sản xuất kịp thời, chuyên môn hóa cán bộ, giảm nhẹ biên chế.

- Trình độ cán bộ kế toán đều là người tốt nghiệp đại học và cao đẳng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và có tâm huyết với nghề.

**\* Hệ thống chứng từ**

Nhưng chứng từ mà xí nghiệp sử dụng như: hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho,... đều đúng mẫu, phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ, thông tin ghi chép trên chứng từ đầy đủ, luân chuyển kịp thời để phục vụ công tác ghi sổ, được lưu trữ một cách cẩn thận, phân loại rõ ràng theo tháng trong tủ cất giữ chứng từ của xí nghiệp.

### \* **Chế độ kế toán áp dụng**

Công tác kế toán được thực hiện tốt theo chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### \* **Hệ thống tài khoản**

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, có sử dụng Tài khoản chi tiết.

### **3.1.1.3 Tổ chức kế toán NVL tại Xí nghiệp Vạn Chánh**

#### \* **Kế toán chi tiết NVL**

- Xí nghiệp hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song
- Ưu điểm của phương pháp này là phương pháp này đơn giản trong khâu ghi chép, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu phát hiện sai sót trong số liệu, đảm bảo sự chính xác của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho kế toán quản trị hàng tồn kho.

#### \* **Kế toán tổng hợp NVL**

- Xí nghiệp hạch toán kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này có ưu điểm vì NVL luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của xí nghiệp.

- Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng tài khoản quy định và được hạch toán ngay sau khi phát sinh vào các sổ sách liên quan.

### **3.1.2 Hạn chế**

#### \* **Hệ thống sổ sách sử dụng**

Xí nghiệp áp dụng hình thức “ chứng từ ghi sổ” nhưng sổ cái sử dụng không đúng với mẫu theo hình thức “ chứng từ ghi sổ” mà giống với mẫu “ nhật ký sổ cái”.

Thực tế tại Xí nghiệp chưa có sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

#### \* **Về việc mở sổ danh điểm vật tư**

Xí nghiệp hiện tại chưa mở sổ danh điểm vật tư dẫn đến việc quản lý mất nhiều công sức và thời gian.

#### \* **Công tác quản lý NVL**

Việc bảo quản vật liệu không phải là dễ, một số NVL không để được ở ngoài trời, có những loại vật liệu mua về phải dùng ngay, bảo quản tốt, không được để quá thời hạn cho phép, nếu không sẽ kém chất lượng hư hỏng.

Hiện nay ở các công trường đa số còn chưa có lán trại tạm.

### \* Về việc áp dụng phần mềm kế toán

Phòng kế toán đã được trang bị máy vi tính để phục vụ công tác ghi chép sổ sách nhưng kế toán vẫn chủ yếu làm thủ công trên EXCEL. Phương pháp này mất thời gian, phải làm thủ công hàng ngày, sai sót còn nhiều ảnh hưởng đến tính kịp thời và hiệu quả trong công tác kế toán.

### 3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại xí nghiệp Vạn Chánh

Qua phân nhận xét đánh giá chung và phân nhận xét cụ thể trên ta có thể nhận thấy việc quản lý vật liệu ở Xí nghiệp bên cạnh những việc tích cực trong quá trình hạch toán kế toán NVL còn có một số vấn đề chưa hợp lý. Do đó để hoàn thiện những vấn đề thừa hợp lý này, tôi xin đưa ra một số ý kiến để việc hạch toán quản lý NVL được tốt hơn và phù hợp hơn với tình hình thực tế tại Xí nghiệp nhưng vẫn đảm bảo đúng chế độ kế toán áp dụng.

Phương hướng hoàn thiện công tác kế toán NVL trước hết phải được đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính kế toán và tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Kế toán không chỉ là công cụ quản lý nền kinh tế của Nhà nước. Việc thực hiện chế độ công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải biến sao cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ mới về quản lý tài chính.

- Hoàn thiện công tác kế toán tại cơ sở phải phù hợp với đặc điểm của Xí nghiệp, phù hợp với đặc điểm quản lý sản xuất kinh doanh. Hệ thống kế toán ban hành buộc các Xí nghiệp phải áp dụng, nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của Xí nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao. Công tác kế toán luôn phải đáp ứng các thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Hoàn thiện nhưng phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí về mục đích kinh doanh của Xí nghiệp là phải mang lại lợi nhuận cao.

Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và tình trạng của việc quản lý NVL ở Xí nghiệp, tôi mạnh dạn đưa ra một số ý kiến góp phần khắc phục những tồn tại trong công việc quản lý NVL, phương pháp ghi chép, hệ thống sổ sách như sau:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 3.2.1 Sử dụng mẫu sổ cái theo hình thức chứng từ ghi sổ

Sổ cái của Xí nghiệp đang sử dụng là “ Nhật ký - sổ cái” không đúng với hình thức kế toán của Xí nghiệp là “ Chứng từ ghi sổ”. Vậy Xí nghiệp cần sử dụng mẫu sổ cái theo hình thức chứng từ ghi sổ như sau:

Đơn vị: .....

**Mẫu số S02c1-DN**

Địa chỉ: .....

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2016 của Bộ Tài chính)

#### SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm:.....

Tên tài khoản.....

Số hiệu:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			- Số dư đầu năm				
			- Số phát sinh trong tháng				
			- Cộng số phát sinh tháng	x			x
			- Số dư cuối tháng	x			x
			- Cộng lũy kế từ đầu quý	x			x

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

*Ngày ... tháng ... năm ...*

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người đại diện theo pháp luật**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### 3.2.2 Mở thêm sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Xí nghiệp nên bổ sung thêm sổ đăng ký chứng từ ghi sổ nhằm:

- Kiểm soát việc ánh sổ chứng từ ghi sổ không bị trùng lặp.

Hạn chế việc sai sót khi lập Bảng cân đối sổ phát sinh.

- Mẫu sổ đăng ký chứng từ ghi sổ theo thông tư 200/2014/TT-BTC

**Đơn vị:** .....

**Mẫu số S02b-DN**

**Địa chỉ:** .....

(Ban hành theo Thông tư số  
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014  
của Bộ Tài chính)

### SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

*Năm ...*

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng		Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1	A	B	1
- Cộng tháng			- Cộng tháng		
- Cộng lũy kế từ đầu quý			- Cộng lũy kế từ đầu quý		

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

*Ngày ... tháng ... năm ...*  
**Người đại diện pháp luật**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 3.2.3 Mở sổ danh điểm vật tư:

NVL của Xí nghiệp có rất nhiều chủng loại, do đó Xí nghiệp cần phải xây dựng “Sổ danh điểm vật tư”, như vậy lúc cần đến loại vật liệu gì thì sẽ đáp ứng được nhanh chóng và việc quản lý sẽ chặt chẽ, dễ hiểu dễ tìm.

#### Sổ danh điểm vật tư

Ký hiệu		Tên, nhãn hiệu quy cách nguyên liệu, vật liệu	Đơn vị	Đơn giá	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm				
1521		Nguyên vật liệu chính			
1521-01		Đá các loại			
	1521-01-01	Đá hộc	m3		
	1521-01-02	Đá 1×2	m3		
	1521-01-03	Đá 2×4	m3		
	.....	.....			
1521-02		Xi măng			
	1521-02-01	Xi măng PC 30	kg		
	11521-02-02	Xi măng PC 40	kg		
	.....	.....			
1521-03		Cát			
	1521-03-01	Cát vàng	m3		
	1521-03-02	Cát bê tông	m3		
	.....	.....			
1521-04		Thộp			
	1521-04-01	Thộp 1mm	kg		
	1521-04-02	D6	kg		
	1521-04-03	D8	kg		
	1521-04-04	D10	kg		
	.....	.....	.....		
1522		Vật liệu phụ			
1522-01	1522-01-01	Phụ gia bê tông	Kg		
1522-02	1522-01-02	Nhựa đường	Kg		
	.....	.....			

### 3.2.4 Công tác quản lý NVL

- Theo thông tư 06/2016/TT-BXD do Bộ Xây dựng ban hành thì chi phí lán trại tạm nằm trong chi phí chung chiếm 1% tổng chi phí của công trình. Việc dựng kho tạm thời để bảo quản nguyên vật liệu để bảo quản nguyên vật liệu không bị hư hỏng giảm chất lượng khá thuận lợi về mặt kinh phí.

- Khi thiết lập một công trường nhất thiết phải xây dựng đủ một hệ thống kho, lán, bãi. Nếu điều kiện cho phép thì phối hợp với kiến trúc mà xây dựng trước một bộ phận nào đó như kho, phòng làm việc, nhà ở, để sử dụng làm kho lán (nhưng phải tránh những trường hợp ảnh hưởng không tốt cho việc sử dụng về sau), để khi vật liệu về thiết bị về có chỗ bảo quản ngay; kho, lán, bãi rộng hẹp tùy theo khối lượng và tính chất xây dựng của từng công trình mà quy định cụ thể. Đồng thời thiết lập hệ thống đường vận chuyển nhưng không được để ảnh hưởng đến mặt bằng thi công sau này.

### 3.2.5 Giải pháp sử dụng kế toán máy vào hạch toán nói chung và hạch toán NVL nói riêng

Xí nghiệp Xí nghiệp Vạn Chánh là đơn vị áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ, hình thức ghi sổ này có nhiều thuận lợi cho việc áp dụng kế toán máy. Tuy nhiên, hiện nay Xí nghiệp vẫn áp dụng kế toán thủ công để theo dõi, hạch toán. Việc sử dụng hình thức sổ này trong điều kiện kế toán thủ công đã gây ra sự ghi chép trùng lặp, làm tăng khối lượng công tác kế toán. Trong điều kiện khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển Xí nghiệp nên áp dụng kế toán máy vào hạch toán giúp cho việc tính toán, ghi chép được chính xác và nhanh hơn, phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý.

Hiện nay có một số phần mềm kế toán đang được sử dụng nhiều trên thị trường để Xí nghiệp có thể lựa chọn:

- Phần mềm kế toán MISA
- Phần mềm kế toán FAST
- Phần mềm kế toán ACMAN
- ...

Qua tìm hiểu một số phần mềm kế toán chuyên dùng hay có thể sử dụng cho doanh nghiệp, em thấy phần mềm kế toán MISA là thích hợp sử dụng cho xí nghiệp.

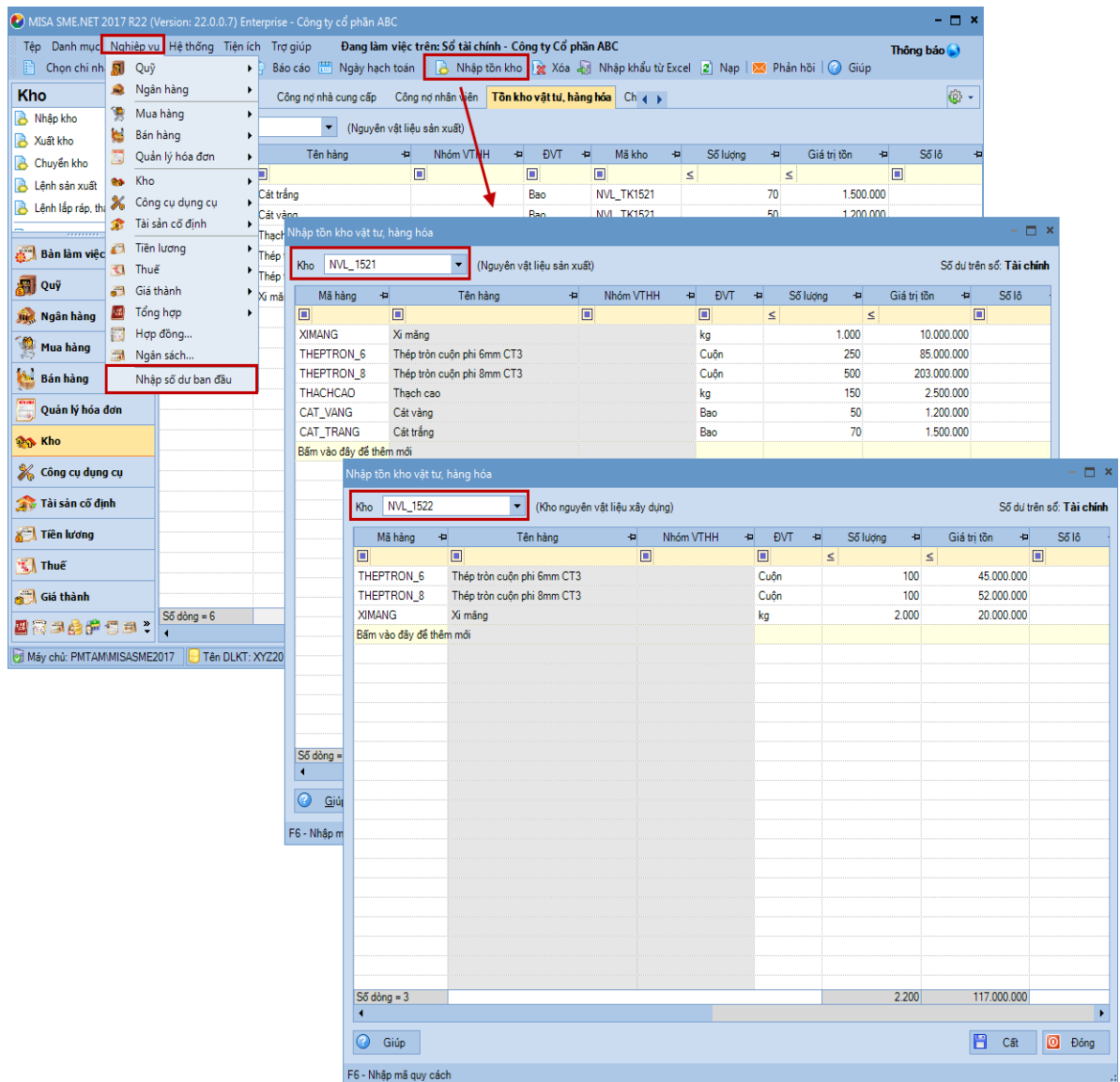
Ngoài việc đáp ứng tốt các nghiệp vụ kế toán – tài chính của các doanh nghiệp thương mại dịch vụ, sản xuất, dược phẩm...phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 còn phù hợp để triển khai với các doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực xây lắp và xây dựng công trình. MISA SME.NET 2017 đã là lựa chọn đáng tin cậy của hàng ngàn doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và xây dựng công trình trên toàn quốc như: Công ty Cổ phần P.A.C.O, Công ty Cổ phần phát triển nhà Petrolimex – Tradoco, Hợp tác xã Vận tải và thi công cơ giới số 6, Công ty CP hạ tầng và DV Truyền Thông Logi 2, Công ty xây dựng Nam Sơn, Công Ty CP xây dựng 79...

### **Quản lý hàng tồn kho**

Nguyên vật liệu trong ngành xây dựng thường xuất thẳng đến công trình không qua kho, tính vào chi phí nhưng vẫn theo dõi tồn kho tại từng công trình, theo dõi điều chuyển vật liệu giữa công trình này với công trình khác hoặc vật liệu thừa thiếu giữa các công trình cần kiểm soát. Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 không chỉ cho phép quản lý nguyên vật liệu xuất thẳng đến công trình mà còn quản lý nguyên vật liệu xuất qua kho. Cụ thể:

- Phần mềm cho phép quản lý các chứng từ nhập kho/xuất kho vật tư, hàng hóa, công cụ dụng cụ, thành phẩm
- Hệ thống hỗ trợ việc xuất kho theo định mức nguyên vật liệu
- Cho phép tính giá xuất kho vật tư, hàng hóa, thành phẩm theo nhiều phương pháp

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Bên cạnh những tính năng hữu hiệu, MISA là phần mềm phổ biến thường được đưa vào giảng dạy tại các trường đại học hay trung tâm kế toán. Vì thế việc áp dụng phần mềm này sẽ thuận lợi hơn, từ đó giúp giảm nhẹ công việc kế toán và áp lực cho nhân viên.

### KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh vô cùng gay gắt, yêu cầu đặt ra với Doanh nghiệp là làm thế nào với một lượng tiền vốn nhất định có thể tạo ra được sản phẩm có chất lượng cao nhất, hiệu quả nhất.

Có thể nói, Xí nghiệp Vạn Chánh là một Doanh nghiệp quân đội hoạt động có hiệu quả trong lĩnh vực xây dựng cơ bản. Công ty đã từng bước khẳng định uy tín của mình bằng chất lượng, trình độ kỹ thuật, mỹ thuật của các công trình và cung cách làm ăn đúng đắn, có hiệu quả.

Trong thời gian thực tập tại Xí nghiệp, được sự giúp đỡ của các đồng chí lãnh đạo và cán bộ nhân viên trong Xí nghiệp, em đã nhận thức được các vấn đề cơ bản trong quá trình kinh doanh của Công ty. Do thời gian thực tập có hạn, kiến thức còn hạn chế nên không thể đi sâu vào các vấn đề liên quan, đến cả hệ thống kế toán của Công ty mà chỉ giới hạn một số vấn đề chủ yếu bổ sung thực tiễn cho phân lý thuyết đã học.

Kính mong các thầy cô giáo góp ý, bổ sung thêm, giúp em nắm vững hơn nữa lý thuyết cũng như thực tiễn để phục vụ tốt hơn cho công tác quản lý tài chính trong cơ chế thị trường hiện nay.

Em xin chân thành cảm ơn!

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ tài chính (2015), chế độ kế toán doanh nghiệp – nhà xuất bản lao động
2. Khoa Kế toán, giáo trình kế toán tài chính – nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân
3. Khoa Kế toán, giáo trình phân tích báo cáo tài chính – nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân
4. Khoa kế toán, giáo trình kế toán quản trị - nhà xuất bản Lao động – xã hội
5. Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
6. Phòng kế toán công ty cổ phần xây dựng số 12, các loại chứng từ, sổ sách liên quan đến nghiệp vụ hạch toán nguyên vật liệu.